

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 26 B

CHƯƠNG VI: CẢM THÔNG

TRONG PHẦN 2 CHƯƠNG VI

(chánh truyện có ba mươi chín vị, phụ có bốn vị)

1/ Truyện ngài Thích Tăng An tu hạnh đầu-đà ở Triệu Châu, thời Bắc Tề.

2/ Truyện ngài Xà-lê Hương trụ chùa Phi Phó ở núi Thanh Thành thuộc Ích Châu, thời Bắc Chu.

3/ Truyện ngài Thiên sư Du trụ chùa Đa Bảo ở Ích Châu.

4/ Truyện ngài Thích Tăng Độ ở Ích Châu.

5/ Truyện ngài Vệ Nguyên Tung trụ chùa Dã An ở Ích Châu.

6/ Truyện ngài Thích Thượng Viên ở Ích Châu, thời Tiền (Nam) Lương.

7/ Truyện ngài Thích Pháp Hạnh trụ núi Ngọc Tuyền ở Kinh Châu, thời Hậu Lương.

8/ Truyện ngài Thích Đạo Mục trụ Thần Sơn thuộc Kinh Châu

9/ Truyện ngài Thích Trí Khoáng trụ chùa Khai Thánh ở núi Tứ Vọng thuộc Kinh Châu, đời Tùy.

10/ Truyện ngài Thích Vô Tướng trụ chùa Tương Tư ở Phù Châu

11/ Truyện ngài Thích Đồng Tấn trụ chùa Đẳng Hạnh ở Lự Châu

12/ Truyện ngài Thích Phú Thượng ở Ích Châu

13/ Truyện ngài Thích Minh Cung trụ chùa Hội Thiện ở Trịnh Châu

14/ Truyện ngài Thích Pháp Tấn trụ núi Trường Dương ở Ích Châu

15/ Truyện ngài Thích Đạo U trụ chùa Xà Lê ở Đại Châu

16/ Truyện Xà-lê Sầm trụ chùa Thiện Cư ở Tương Châu

17/ Truyện Xà-lê Thông trụ chùa Thiên Bảo ở Đan Dương

- 18/ Truyện ngài Thích Pháp Khánh trụ chùa Ngưng Quán ở Kinh Đô (Đơn Đạo Tông)
- 19/ Truyện ngài Thích Đức Sơn trụ chùa Thiên Sắc ở Ích Châu (Húc Thượng)
- 20/ Truyện ngài Thích Đạo Duyệt ở núi Thanh Khê thuộc Kinh Châu
- 21/ Truyện ngài Thích Tuệ Diệu trụ chùa Nội Hoa ở Kinh Châu
- 22/ Truyện ngài Thích Đạo Biện ở Đông Nhạc (Thần Biện)
- 23/ Truyện ngài Thích Tuệ Lâm ở chùa Kiến Minh thuộc Ích Châu
- 24/ Truyện ngài Thích Hồng Mãn trụ chùa Cứu Độ ở Kinh Đô
- 25/ Truyện ngài Thích Tuệ Thông trụ chùa Phước Hóa ở Ích Châu, thời tiền Đường.
- 26/ Truyện ngài Thích Pháp Thông trụ chùa Pháp Hải ở Kinh Đô
- 27/ Truyện ngài Thích Tuệ Nhân trụ chùa Khai Thánh ở Kinh Châu
- 28/ Truyện ngài Thích Pháp Thí trụ chùa Hiến An ở Ba Lăng
- 29/ Truyện Sa-môn Thích Tuệ Ngạn ở Thục Xuyên
- 30/ Truyện ngài Thích Pháp Vận trụ chùa Khai Thánh ở Kinh Châu
- 31/ Truyện ngài Sa-môn Đế Thị Giai người xứ Bắc Địch, thuộc U Châu
- 32/ Truyện ngài Thích Trí Hiến trụ chùa Hộ Minh ở Ky Châu
- 33/ Truyện ngài Thích Pháp Thông ở núi Thường Lạc thuộc Tô Châu
- 34/ Truyện ngài Thích Tăng Minh trụ chùa Chiêu Quả ở Đại Châu
- 35/ Truyện ngài Thích Minh Ẩn ở núi Ngũ Đài thuộc Đại Châu
- 36/ Truyện ngài Thích Pháp Không trụ núi Ngũ Đài ở Đại Châu
- 37/ Truyện ngài Thích Minh Tuấn trụ chùa Định Thủy ở Kinh Đô
- 38/ Truyện ngài Thích Minh Giải trụ chùa Phổ Quang ở Kinh Đô (Tống Thượng Lễ)
- 39/ Truyện ngài Thích Pháp Xung trụ chùa Pháp Tập ở Duyện Châu.

1- Truyện ngài Thích Tăng An tu hạnh đầu-đà ở Triệu Châu:

Thích Tăng An, không biết Sư là người xứ nào. Ngài tinh chuyên giới nghiệp, siêng năng ngồi thiền, giảng dạy. Người đương thời gọi Sư là bậc Đa năng.

Dưới thời vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương 550-560) Bắc Tề, Sư ở núi Vương Ốc, nhóm họp đồ chúng khoảng hai mươi người, giảng Kinh Niết-bàn. Lúc mới khai giảng đề kinh, có con chim Trĩ mái bay đến cạnh tòa nằm nghe, đến lúc chư tăng thọ thực thì chim ra ngoài kiếm ăn. Buổi chiều Sư lên tòa giảng, chim lại đứng giờ bay đến. Sư giảng đến chưa hết quyển ba, thì không còn thấy chim đến nghe nữa, đại chúng đều lấy làm lạ. Sư bảo: “Chim trĩ nay đã sinh lên làm người, chẳng có gì lấy làm lạ”. Đến niên hiệu Võ Bình thứ tư (573) thời Bắc Tề, Sư dẫn đồ chúng đến Việt Châu, thực hành hạnh đầu-đà. Bỗng nhiên Sư bảo: “Chim trĩ mái năm xưa sinh ở xứ này.” Sư bèn đi thẳng đến một nhà, xa gọi: “Chim trĩ!” có một bé gái chạy ra, dáng vẻ như đã biết nhau từ trước. Bé gái lễ bái vui mừng. Cha mẹ bé gái lấy làm lạ, mời Sư vào nhà, thiết trai cúng dường. Sư hỏi: “Vì sao bé gái này tên là Thư Trĩ?” Cha mẹ đáp rằng: “Vì khi mới sinh thấy tóc trên đầu bé gái như lông chim trĩ. Lại vì là con gái nên đặt tên là Thư Trĩ!”. Sư cười lớn và kể lại cho ông bà nghe về Bốn duyên. Bé gái nghe thế rồi ứa lệ gào khóc, xin được xuất gia. Cha mẹ vui vẻ bằng lòng. Sư liền giảng Kinh Niết-bàn cho nghe. Bé gái nghe liền nhận hiểu không sót mất chút nào, nhưng đến sau quyển ba, thì mịt mờ không hiểu.

Bấy giờ, bé gái mới mười bốn tuổi đã lên tòa giảng kinh, mọi người xa gần đều dự nghe, ngợi khen trước có chứa nhóm. Nhân đó đích thân Sư cùng khuyên, mọi người theo học rất đông.

2- Truyện Xà-lê Hương trụ chùa Phi Phó ở núi Thanh Thành:

Xà-lê Hương, không biết Sư từ đâu đến. Đầu thời Nam Lương, Sư đến trụ chùa Phi Phó ở núi Thanh Thành thuộc Ích Châu. Sư vui mừng như có ý chí muốn trọn đời ở đó.

Bấy giờ có tục lệ mỗi năm đến ngày mồng ba tháng ba, mọi người đều lên núi thưởng ngoạn, thường mang theo rượu thịt cùng nhau chén tạc chén thù mua vui, trước sau Sư nhiều lần khuyên dụ nhưng chưa thể dứt bỏ. Đến tháng ba năm sau, mọi người cũng nhóm họp như trước, bày biện và ngồi xong. Sư sai người ở phía sau tòa đào một cái hầm vuông một trượng. Mọi người không ai biết ý Sư thế nào. Sư bèn nói với mọi người rằng: “Các Đàn Việt v.v... thường tổ chức ăn uống, nhưng

chưa từng ăn uống với Hương tô lần nào, hôm nay vì đông đảo, phải tận hưởng một bữa”. Mọi người tranh nhau dâng rượu hiếm quý. Sư hề được bao nhiêu thì ăn uống hết bấy nhiêu như lấp hang lớn. Các vị thức giả lấy làm lạ. Đến chiều, Sư bảo rằng: “Ta no say quá, hãy đỡ ta đến chỗ hầm, không thôi hẳn đấy!” Khi đến chỗ hầm, Sư há miệng ới, thịt chim trĩ từ miệng tuôn ra, liền bay nhảy ca hát, thịt dê từ miệng tuôn ra liền chạy ngay. Rượu và thức ăn lẫn lộn tuôn ra sắp muốn đầy hầm, Cá Lươn, Ngỗng Vịt bơi lội loạn xạ, mọi người đều kinh hãi, thề nguyện dứt bỏ việc giết hại. Mãi đến ngày nay, rượu thịt dứt hẳn không mang lên núi. Đó đều là do phong thái đức hạnh của Sư.

Tại Ích Châu, Biệt Giá La tên là Nghiên Triều, ở thời Nam Lương, ngài Chí Công hỏi rằng: “Sa-môn Hương ở Ích Châu là người sang hay hèn?” Nghiên Triều đáp: “Rất hèn, mới đầu chẳng thể gọi là người”. Ngài Chí Công bảo: “Đã là người quá hèn, cứ sao lưu lại lâu vậy?” Nghiên Triều cũng không lường biết lời nói ấy, chỉ nói cho người hiểu biết nghe. Hoặc nói: “Sao không chỉ cho Xà-lê Hương ở Thanh Thành ư?” Nghiên Triều bèn đến núi kể lại đầy đủ. Sư bảo: Đàn Việt từ xa đến, chắc chắn là chẳng nói dối”. Đêm đó, Sư bèn thị tịch. Các hàng đệ tử v.v... xây tháp, sắp đến lúc an táng, mọi người đều lấy làm lạ vì Kim quan rất nhẹ, đến lúc phá ra chỉ thấy chiếc gậy mà thôi.

3- Truyện ngài Thiên Sư Du trụ chùa Đa Bảo ở Ích Châu:

Thiên Sư Du trụ chùa Đa Bảo ở Ích Châu tức là Lâm Tất Đạo nhân, họ Dương. Sư siêng năng đọc tụng hơn bốn mươi năm, ngày đêm không bỏ. Phía sau tường vách phòng viện, Sư họa hình cừ tướng biển, đặt giường dây, dùng chăn Tông phủ lên. Ban ngày Sư y theo khuôn phép chúng tăng, đêm đến thì vào ngủ trong đó. Mỗi ngày mới ra ăn một bữa, như thế dần dần đến bảy ngày mới ăn. Tăng chúng cho đó là thường, chẳng lấy làm lạ. Cứ như thế, trải qua hơn hai mươi năm. Bỗng nhiên trải qua một tháng mà Sư không ra, trong phòng cũng chẳng nuôi người hầu. Mọi người đều bảo Sư không ra tức là đang nhập định, chẳng nhọc phải xem. Bỗng một đêm, mưa to gió lớn, bức tường vách đồ họa bị đổ, sáng sớm mọi người đến xem, thử vén chăn tông lên thì không thấy gì, chỉ có giường dây đệm ngồi mà thôi.

4- Truyện ngài Thích Tăng Độ ở Ích Châu:

Thích Tăng Độ, không biết Sư là người xứ nào. Sư thường qua lại nơi thôn ấp, chỗ hoang vắng, không có nơi ở cố định. Nói năng úp mở

như có dự biết. Người đương thời gọi Sư là kẻ cuồng.

Chu Triệu Vương ở tại Ích Châu. Có người ở huyện Bì kết giao với Triệu Vương rất nồng hậu, bèn muốn làm phản. Lúc đó có người mách bảo mà Việt Vương không tin. Đến sáng, binh lính của người huyện Bì quả nhiên kéo đến, rất thân với Triệu Vương nên là làm chủ, bèn tại ngã tư đường lớn ở phía Tây Thành, vừa mới ngồi xuống trên toà lớn. Khi đó, Sư mang đội một chiếc giày da dính phần từ phía Tây Thành chạy đến tháp Bàn-đà, vất bỏ giày mà quay trở lại. Mọi người đều lấy làm lạ nhưng không ai lường biết. Lại đến lúc sắp làm phản, đem giấy bút thỉnh Sư đoán định tốt xấu, Sư bèn cầm bút viết hai chữ “Châu Độ”. Kẻ làm phản vui mừng bảo: “Châu Độ cho ta, đó là tốt lành. Chọn ngày đến mất. Ta sẽ đến đó mất. Chắc chắn là chế phục được đó.” Bấy giờ, Triệu Vương đóng tại lầu Tây Môn bảo ba ngàn lính tinh duệ cưỡi đến, vừa mới giao chiến liền rút lui, theo sau mà giết. Đến tháp Bàn-đà, chém giết hơn ngàn binh lính của người huyện Bì, làm thành Kinh Quán. Nay đặc biệt cao ở phía Đông tháp. Về sau mới nghiệm biết, Sư mang chiếc giày da để dính phần mà chạy nơi đất tháp. Cái gọi là “Châu Độ”. Hai chữ “Đồ Các” nói láy lại tức là “chước”, nghĩa là “chém đầu”. Nhìn thấy trước mắt mà lấy điều nghiệm nhận định về sau. Có người tấu trình sự việc ấy với Triệu Vương. Triệu Vương sai người tìm khắp bốn phương, nhưng không biết Sư ở xứ nào.

5- Truyện ngài Vệ Nguyên Tung trụ chùa Dã An ở Ích Châu:

Thích Vệ Nguyên Tung, là người ở xứ Thành Đô thuộc Ích Châu. Sư xuất gia từ thuở thiếu thời, làm đệ tử Pháp Sư Vong Danh. Sư thông minh dĩnh ngộ ít ai bằng, thường trong đêm vắng đứng hầu bên cạnh nói với thầy rằng: “Người đời quý lỗ tai mà xem thường con mắt, tức biết trắng đen có thể được”. Ngài Vong Danh bảo: “Ông muốn có tiếng tăm, nếu chẳng công công thì không thể được”. Trong tâm Sư cho là đúng, bèn công công chạy loạn, mọi người đuổi theo thành đoàn. Xúc chạm vật vội bắt gậm vịnh, rảo khắp mọi nơi hơn hai mươi năm.

Đến lúc ngài Vong Danh vào Quan Nội, Sư bèn dời đến trụ chùa Dã An. Tự chế ra tiếng đàn cầm, bị thiên nữ có oán tâm phá chọc, cũng có người truyền tiếng tăm ấy. Sư từng nói với người anh rằng: “Đất Thục nhỏ hẹp không đủ để bày trải nổi lòng, muốn đi đến Thượng Kinh, đối kháng với các bậc Quốc Sĩ, ý anh thế nào?” Anh Sư bảo: “Hiện nay Vương Bao Sư Tán tiếng tăm vang dội khắp nơi, ông biết được gì, chỉ tự chước lấy sự tủ nhục”. Sư đáp rằng: “Người ấy đọc nhiều sách, tự làm

các Văn. Còn như Thiên tài đại khái chẳng phải là phần ấy ư? Anh hãy nghe xem.” Sư liền coi thường đó mà đến Quan ải, vì không chỗ qua, nên Sư bèn mặc y phục thế tục. Ở tại Quan trung trở về, bị người canh phòng bắt giữ, Sư nói dối rằng: “Tôi là người nhà của Vu Trường Công ở Trường An muốn trốn đến đất Thục”. Quan gia vội đưa Sư đến Kinh đô, Vu Trường Công từng biết Sư ở đất Thục, bỗng nhiên nay được gặp gỡ, nên giao du với ngài. Các nơi thắng địa, không chỗ nào Sư chẳng đến, tấu trình việc phế hoại Phật Pháp, từ đó, Sư hoàn tục. Chu Tổ chấp thuận. Sư lại cùng Đạo Sĩ Trương tân âm thầm thêm sự phiến hoặc. Vua tin theo chẳng hề nghi ngờ, bèn thực hành phá diệt. Sư lại soạn thơ “ngàn chữ” tức như: “Đầu Rồng khói xanh nổi, Trường An loạn một đời”. Và đều phù hợp với sấm vĩ, mọi sự việc về sau mới hiểu.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ tám (588) đời Tùy, tại Kinh Triệu, có Đỗ Kỳ bị chết, ba ngày sau sống lại kể rằng: “Thấy Vua Diêm Vương hỏi rằng: “Cha của ông làm quan giữ chức gì?” Đỗ Kỳ đáp: “Cha của tôi làm Tư Mạng Thượng Sĩ ở thời Bắc Chu”. Diêm Vương bảo: “Như vậy là bắt lầm, hãy mau thả trở lại dương gian. Nhưng ông có biết Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu không?” Đỗ Kỳ đáp: “Tôi từng làm chức Tả Võ Hầu Tư Pháp, thường ở nơi giai bệ nên biết rất rõ”. Diêm Vương bảo: “Vậy hãy đến xem Vua Võ Đế của ông đi”. Có người dẫn Đỗ Kỳ đến một nơi, cửa sổ ở duyên ngõa đầu làm toàn bằng sắt. Ở trong cửa sắt, thấy có một người rất gầy ốm thân hình mầu như sắt, mang gông cùm bằng sắt. Đỗ Kỳ vừa trông thấy liền òa khóc gọi rằng: “Đại gia! Do đâu mà khốn khổ như vậy?” Võ Đế đáp rằng: “Ta chịu khốn khổ dữ dội, người không thấy hay sao? Nay được đến đây rất là vui mừng”. Đỗ Kỳ hỏi: “Vì tạo tội nghiệp gì mà phải chịu khốn khổ này?” Võ Đế đáp: “Người không biết ư? Ta vì tin theo lời của Vệ Nguyên Tung mà phá huỷ Phật pháp nên phải chịu khốn khổ này.” Đỗ Kỳ hỏi “Đại Gia! Sao không dẫn Vệ Nguyên Tung đến đây?” Võ Đế đáp: “Ta tìm kiếm, nhưng Tào sư tìm kiếm khắp mọi nơi, khắp cả ba cõi, nhưng nói là không thấy. Nếu như Vệ Nguyên Tung đến buổi sáng thì buổi chiều ta sẽ được thoát, đâu có gì phải luận bàn. Ông trở về nói với người ở thế gian hãy làm phước cho Nguyên Tung, sớm đến cứu giúp. Nếu Nguyên Tung chẳng đến thì ta không có kỳ hạn được giải thoát”. Đỗ Kỳ sống lại, không quên việc ở Minh phủ, khuyên người làm việc phước để cứu giúp v.v.

6- Truyện ngài Thích Thượng Viên ở Ích Châu:

Thích Thượng Viên, họ Trần, người ở xứ Hán Lạc thuộc Quảng Châu. Sư xuất gia chuyên dùng chú thuật để cứu chúng sinh. Võ Lăng Vương Tiêu Kỷ thời Nam Lương, trong cung bị các hàng thể nữ quý quá yêu mê, hoặc ca hát hoặc khóc lóc, lăng xăng rối loạn cả lên. Vương Tiêu Kỷ bèn bảo người bắn giỏi cầm Đàn giả bộ khảy, Quý bèn hiện hình, liền phóng tên bắn, Quý liền từ xa tiếp lấy, ném trở lại người. Cứ như thế mãi không thôi. Nghe Sư trì chú nên Vương Tiêu Kỷ thỉnh vào trong cung. Các loài quý đua nhau đến trước làm ra các thứ biến hiện. Rong rã trăm thú, chột trước mặt, chột sau lưng, hoặc giữa hư không hoặc dưới đất, biến thành trăm thứ. Sư ngồi an tĩnh bảo rằng: “Loài Quý nhỏ các người do nhân gì dám vào cung vua, nếu có khả năng biến thành thân hình ta thì hãy tự biến ra muôn thứ, chỉ là Quý nhỏ, thì hãy đứng nghe ta nói một lời”. Các Quý đều chấp tay đứng yên. Sư bèn mở miệng xưng rằng: “Nam-mô Phật-đà”. Các Quý đều biến mất, từ đó được yên lặng.

Vua Võ Đế (Tiêu Diển 502-550) thời Nam Lương nghe thế thỉnh Sư vào cung. Ngài được thưởng ngộ lớn. Đến lúc nhà Lương nhiều loạn. Sư bèn đến đất Thục, với những nơi có các thứ khổ não, Sư nhân đó cứu giúp. Đến năm tám mươi một tuổi, Sư thị tịch tại chỗ đang ở. Trị Thành nay đã bị hoại diệt.

7- Truyện ngài Thích Pháp Hành ở núi Ngọc Tuyền thuộc Kinh Châu:

Thích Pháp Hành, không rõ Sư là người xứ nào. Sư là đệ tử tài giỏi của Pháp sư Luận. Pháp sư Luận vốn ở tại Ngọc Tuyền. Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy rất kính trọng Ngài. Sự tích ngài thấy trong Biệt truyện.

Tánh tình Sư vốn chẳng thường, nói năng khác với mọi người. Hoặc có lúc ở hang núi, có lúc vào trong chợ lỵ. Sư từng đến núi Thanh Khê, đường đi phát xuất từ đỉnh núi Phúc Thuyền, trông thấy suối nước, cây cối tốt tươi. Sư bèn nhìn lại bảo rằng: “Mười năm sau, sẽ có người đầy đủ phước đức và trí tuệ rộng lớn đến đây xây dựng ngôi Già-lam”. Đến lúc ngài Trí giả xuất hiện, quả nhiên thành tựu như lời Sư báo trước.

Sư lại từng đến thành Đường Dương, cầm cung tên bằng trúc bắn vào đó. Về sau có giặc núi đến vây quanh thành, tướng trạng đều như Sư thi vi ngày trước. Nhưng Sư từng mở lời nói lạ, bảo rằng: “Lỗi của

nhà Lương”. Vua Tuyên Đế (Tiêu Sát 557-562) thời Hậu Lương rất ghét lời nói đó, bảo người tìm bắt Sư để giết. Sư theo sử đến, không chống kháng như trước, Sư nói: “Ta thường mạng ở tại đất này.” Sau đó, có người sử đến, Sư nộp mạng, bèn bị chém, nhưng không chảy máu. Khi sắp tịch, Sư nói những bài kệ tụng quan trọng, Văn từ nghĩa lý rất tha thiết, không thể chép đủ, nếu nói về Nghiệp Báo không thể trốn lánh. Giết xong, trong thời gian ngắn, thi thể Sư bèn biến mất. Bộc Xạ Tiêu Vô đi đến núi Tứ Vọng chỗ Thiền sư Nhân vì vua Tuyên Đế mà sám hối rằng: “Tội tiên nhân giết hại bậc Thánh xin lễ bái sám hối, nguyện tha thứ”.

Người viết truyện (Đạo Tuyên Tôi) nghĩ rằng: “Vì thời Hậu Lương tiếp nối vận nước, oai thế chẳng trội vượt, chỉ riêng giữ một thành, bên cạnh đó lại bị chế ngự vây quanh, đâu có vinh hạnh vẻ vang gì, theo vọng mà tạo tội lỗi, nên giết hại bậc Thánh, trông mong kéo dài vận mạng sâu dày. Cái gọi là Trông mong trước, đã bị mất ở đường sau. Sau đó không lâu bị truy đuổi lưu lạc vào quan ải. Trách người vô tội, thật không thể xem thường.

8- Truyện ngài Thích Đạo Mục ở Thần Sơn thuộc Kinh Châu:

Thích Đạo Mục, người xứ Tùng Tư, tánh tình ưa thích núi rừng, ban đầu, Sư vào Thần sơn ở Kinh Châu. Sắp có việc đi đến nham ẩn, bỗng cảm sấm sét gió lớn nổi dậy rung núi gãy cây. Thần rắn nhiều quanh giương, bầy hổ tung hoành gầm rống. Tâm Sư vẫn an nhiên thư thái, không nghĩ tưởng cảnh vật bên ngoài. Bảy ngày sau chắc chắn Rắn Hổ sẽ ẩn, Sư mới leo lên núi, nhìn ra xa, thấy phía đông núi đó y theo Lăng hác, phía Tây nhìn lại có dòng sâu, bèn có ý định muốn trốn ở đó.

Sơn Thần biến hình sám hối tội lỗi rằng: “Đó là Điền Bá Ngọc đến xin thọ giới”. Đến lúc thực hành Pháp thức, các chất Độc ngầm biến mất. Cúng tế dứt hẳn dâng cúng rượu thịt, cầu đơm ân trạch ứng thời mây mưa. Vệ hầu như thế chẳng phải chỉ có một. Nêu bày có thể biết. Sư ở tại núi hơn ba mươi năm, tiếng tăm vang xa, Tân khách du tuần đều quy hướng cầu thỉnh. Về Sa-môn thì có ngài Tăng Triển, Tăng An. Về các bậc cao sĩ thì có Lưu Cầu, Xa Xuyên, tiếp nối lời mạng đích, không hề trái phong thanh. Sương Đông Vương Tiêu Dịch thời Nam Lương kính trọng đức hạnh Sư nên đến chỗ Sư xây dựng một Đài cao, lập Văn Bia trình bày sự nổi pháp. Vua Giản Văn Đế (Tiêu Cương 550-551) thời Nam Lương làm bài tụng, lập Bia ở đỉnh núi. Đến lúc Sư sắp

thị tịch, vui mừng nhìn ra xa, bèn lên núi mà tịch, thọ bảy mươi tuổi.

9- Truyện ngài Thích Trí Khoáng trụ chùa Khai Thánh ở núi Tứ Vọng:

Thích Trí Khoáng, họ Vương. Giòng họ Sư vốn ở Thái Nguyên, có một thời gian dời đến Từ Châu. Về sau cha của Sư lại dời đến ở huyện Tân Phong thuộc Kinh Châu. Mẹ của Sư ban đầu sắp mang thai, mộng thấy xuống tắm dưới dòng nước, có một đứa trẻ ngồi thuyền báu đến lao thẳng vào người bà, bèn tỉnh giấc và mang thai Sư. Đến lúc sinh ra, Sư rất thông minh mà trọng hạnh.

Đầu niên hiệu Thái Thanh (547) thời Nam Lương, chiến loạn không ngừng. Vua Nguyên Đế đang ở ngôi, bấy giờ Sư đang tuổi thiếu thời rất mạnh mẽ, chiêu mộ các tráng sĩ theo quân lính đi đánh dẹp phương Đông, không bao lâu bèn bị lấp vùi, Sư tỏ ngộ sâu sắc về mọi sự luống dối, nên không cưới vợ, chỉ mong cầu thoát tục. Ban đầu, gặp được Đạo Sĩ Hoàng Cân đem pháp thần tiên dẫn dụ Sư. Trước hết, Sư thọ học Phù lục, tiếp theo là trình bày Chương tiểu. Sư bèn hỏi: “Thuật này có thật đắc đạo hay không?” Đạo Sĩ đáp: Lục đã hộ thân, Chương cũng chiêu vời của cải”. Sư hỏi tiếp: “Đó là bảo trọng khổ khí này, được gọi là Đạo ư?” Sư lại thỉnh cầu Pháp Độ đời, Đạo Sĩ bèn chỉ bày Sư cách thức ở hẳn không ăn gạo thóc sẽ đến được Ngọc Thanh, chỉ bảy ngày sẽ có khả năng bay được. Sư thực hành đúng kỳ hạn mà không ứng nghiệm. Đạo sĩ bảo: “Vì ông còn uống nước, nên cuối cùng chưa đến được”. Sư lại trải qua bảy ngày, môi miệng không hề uống một giọt nước, mà vẫn không ứng nghiệm. Đạo Sĩ lại bảo: “Vì ban đêm ông vẫn còn ngủ nên không được cảm ứng”. Sư lại trải qua bảy ngày thường ngồi không nằm. Ba kỳ thường đầy đủ, nhưng chẳng được bay lên trời, mà khí lực của Sư càng yếu đi, xa gần mọi người đều kinh hãi. Sau đó, Sư gặp được bậc Cao Tăng truyền cho giới pháp, làm đệ tử Phật.

Đức hạnh Sư cảm động đến người, dần dần bày hiện dấu vết ngậm. Bấy giờ ở Giang Lăng, có gia đình Trương Thuyên hai đời bị mù mắt. Sư bảo: “Trong nhà ông có phần mộ mà cái hòm gối lên miệng giếng xưa, nên dời phần mộ và khai mở thành giếng, chắc chắn sẽ được khỏi”. Nhân đó, Trương Thuyên bèn y theo lời Sư mà làm. Người bị mù liền thấy được đường đi, nên xin cạo tóc xuất gia. Mọi người đều kinh sợ, bèn chặt củi cúng dường chúng tăng, Sư trụ nơi không nhàn tĩnh lự.

Sư lại nói dưới khe suối có cái chuông xưa, hãy đào lên đem về

treo ở chùa. Thứ sử Nhân châu cho là Sư đối trá, lừa hoặc quần chúng, nên dùng roi đánh vào lưng Sư cả trăm roi, mà Sư không buồn thảm, không tức giận. Bèn đưa ra xứ Đài, giam giữ ở Thượng phương. Người có sức mạnh thử dùng chiếc gông dài tám thước treo làm gối đấm. Mọi người đứng bên cạnh nhìn đều cho là sẽ nát nhừ, nhưng dung mạo Sư chẳng những không nhiều nã, mà thân thịt cũng không thương vết. Người giữ ngục lại bảo rằng: “Tiếp theo cư sĩ phải chịu chịu đói”. Ngài bèn bỏ ăn bảy ngày, mà thân sắc vẫn như lúc đầu. Lại có người thấy Sư đi trong chợ hoặc ở đường ngã tư, nhưng xét trong ngục vẫn có Sư, mới cho là Sư phân thân.

Đến niên hiệu Đại Định thứ ba (559) thời Hậu Lương, Sư xin người giày cỏ, nói là đêm nay phải đi gấp. Đến canh ba cả thành bị lửa cháy, bốn phía cửa người ra không lọt hết nên bị thiêu chết đến bảy ngàn người. Sư ở trong ngục, dẫn hai trăm người thản nhiên đi bộ mà ra.

Đến năm gần bốn mươi tuổi, Sư mới được cạo tóc, sau khi tấn đàn thọ giới cụ túc, Sư tu hạnh đầu-đà ở núi Tứ Vọng. Xưa kia, đất ấy phước đức mới an đặt Thiên Tử, cách thành có sáu mươi con thú dữ đang ở, từ khi Sư đến ở về sau, chúng dần đến nghỉ bên cạnh giường Sư. Ban đêm ở góc núi có bốn ngọn đèn soi chiếu, các hàng sĩ tục đua nhau nhóm họp đông đảo thành chùa Hoa.

Sau, 2 Vua Tuyên Đế (Tiêu Sát 557-562) và Minh Đế (Tiêu Quy 562-586) thời Hậu Lương, thì Bình Lăng và Hiến Lăng đều ở trước chùa, nghiệm đúng với xưa. Còn như đầu thời Nam Lương thất bại, Vương Lâm lên bức bách, thời Hậu Lương dời nước, Sư đều dự trước Biểu biệt. Có một con vịt đầu đàn bị giết để thiết trai. Vịt thần ban đêm bách bảo, Sư bèn nói: “Sao lại giết hại sinh mạng mà sung vào tịnh cúng ư?” Từ đó về sau, bèn dứt hẳn. Sư từng đến sông Hạ Thủy, đồ chúng đồng bạn có mấy mươi người, muốn ở lại cũng không được, muốn đi cũng không theo. Ở bờ phía trước có hai chiếc thuyền không có người, Sư cười mà cất tiếng gọi đến, thuyền tự cất dòng nước mà đi thẳng đến, nhân đó mà cả đoàn bèn qua sông. Sư căn dặn chớ loan truyền việc ấy.

Lại, lúc ở Hàm Dương, Sư đến chùa Phật Tích, có một con trâu mẹ sinh nghé con, nó vừa trời đầu ra lại thụt vào, đã qua mấy đêm, trâu mẹ sắp lìa đời. Chư tăng báo với Sư không biết tính liệu thế nào. Sư bảo rằng: “Con nghé ấy là vị Cư sĩ ở chùa này, vì xâm phạm dùng vật của chúng tăng, nay phải sinh trở lại nơi đây để đền trả, nhưng vì nó xấu hổ nên chẳng chịu ra, còn trâu mẹ thì không sao.” Nhân đó, Sư cầm lò hương, quở trách răn bảo nghé con rằng: “Hãy mau đền trả quả báo,

có sao xấu hổ mà chẳng chịu sinh ư?” Ứng theo lời ngài nói, trâu nghe liền ra. Nên những điều Thần dị thâm ứng của Sư, không thể ghi chép đầy đủ.

Đến ngày hai mươi bốn tháng chín niên hiệu Khai Hoàng thứ hai mươi (600) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Khai Thánh ở núi Tứ Vọng, thọ bảy mươi lăm tuổi. Sư tự định kỳ hạn qua đời, có mùi hương trời xông khắp thất. Cả chùa đều nghe có tiếng nhạc từ phía Tây Nam vọng đến. Trước lúc chưa thị tịch hai năm, Sư đã dự báo mọi sự sau khi qua đời, thị hiện bã vai bị đau nhức, Sư hỏi Luật sư rằng: “Người đã chứng đắc quả A-na-hàm còn bị bệnh hay không?” Vị Luật sư chưa trả lời, Sư lại tự nói: “Báo thân, pháp hẵn nhiên như thế” Sau khi Sư thị tịch, có ba ngón tay co quắp lại.

Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ nhất (601) đời Tùy, tại chùa Pháp Tế có Sa-môn Pháp Quý chết, sống lại kể rằng: “Được Vua Diêm-ma thả trở lại, nhờ gặp được Sa-môn Trí Khoáng nương cung điện từ hư không thẳng xuống, các người tội vui mừng cùng nhau bảo là “Thánh tăng Tam Quả đến cứu chúng ta, v.v.” và ở tám ngôi chùa do Sư xây dựng đều có linh kỳ, hoặc như nước sôi vọt lên, có lúc giáng hiện dấu chân Phật. Có Sa-môn Pháp Luận ở đạo tràng Tuệ Nhật đời Tùy thấy biết đầy đủ, vì đó làm bia tụng, rộng nêu bày đức hạnh của Sư.

10- Truyện ngài Thích Vô Tướng trụ chùa Tương Tư ở Phù Châu:

Thiền sư Thích Vô Tướng trụ chùa Tương Tư ở Phù Châu, Sư không phải người xứ Ba Thục, không biết Sư ở từ đâu đến. bỗng nhiên Sư đến núi theo chúng tăng mà thôi. Sư chẳng khác người thường. Chùa đó ở thượng lưu Phù Châu, tại phía Bắc một dòng sông lớn. Bên cạnh sườn núi có một tấm bia hình vuông cao khoảng năm thước, chữ viết lớn như bàn tay, mọi người không ai biết. Phía dưới có dấu chân Phật cách chừng chín thước, dài ba thước. Giẫm lên đá như bùn, các hàng Đạo tục thấy đều kính trọng.

Có một lúc nọ Sư qua sông, khi trở về không có thuyền. Sư bèn đặt bình bát trên dòng nước mà bảo rằng: “Vì sao ta phải thường ôm lấy người? Người hãy tự qua sông”. Và Sư liền thả lá chuối trên nước rồi bước lên mà qua sông trở về. Bình bát cùng theo sau, chỉ phút chốc liền đến bờ. Khi đó, có người hái củi trông thấy như thế. Sư tự nói: “Đã có người nhận biết về mình nên già từ mà đi”. Đại chúng tha thiết muốn giữ lại mà Sư chẳng ở. Đến sông, Sư xuống thuyền, mọi người đi theo

lễ bái cầu thỉnh không cho Sư chèo chống. Sư bèn nắm lấy mạn thuyền, thẳng theo dòng nước không nhìn lại mà đi. Mọi người liền đuổi theo nhưng chẳng ai biết Sư đến xứ nào.

11- Truyện ngài Thích Đồng Tấn trụ chùa Đăng Hạnh ở Lự Châu:

Thích Đồng Tấn, họ Lý, người ở xứ Miên Châu. Khi xưa, Sư xuất gia vào thời Bắc Chu. Sư chẳng bó buộc bởi lễ độ, chỉ ưa thích uống rượu. Sư nói với mọi người rằng: “Rượu này có thể rưới khắp thân”. Sư chén tạc chén thù qua lại, tiểu dãi dơ uest. Mọi người đều chẳng chấp nhận như thế. Có người nhận biết sâu xa bảo rằng: “Đây là Hiền hay ngu khó mà biết được.” gặp lúc họ Võ nhà Bắc Chu đánh chiếm phương Đông, nói là cần có thuốc độc, ban sắc chế tạo tại Lự Châu. Đặt Giám Lại lực khoa săn hái thuốc như đầu Rắn độc, đười ươi sắt, ong lớn, dây sắn đồng hoang, lông chim trĩm v.v... tất cả mấy mươi thứ, dùng bình sắt để gây men. Khi thuốc đã thành thì mặc áo da, mắt đeo kiếng lưu ly mới được đến gần. Nếu không thì khí độc xông lên thành bệnh nhọt sẽ làm cho chết, nếu thuốc dính vào thịt người vật xuyên qua thì chết liền. Sư nghe thế bèn đến chỗ cất giữ. Quan nhân đùa bảo: “Nếu uống được một bát thì sẽ được gọi là Tử Sĩ?” Sư bảo: “Được một thăng để tỉnh rượu cũng cần”. Quan nói: “Tha hồ uống ba nhiều cũng được, đâu luận gì một thăng”. Sư liền cầm muống sắt đến chỗ bình rượu múc ra một muống và uống, nói cười tự nhiên, đều không bị độc hoạn gì. Các Đạo Sĩ v.v... nghe thế đều đến xem. Sư lại múc thêm một muống để mời họ, mọi người đều bỏ chạy. Hoặc có người nói: “Đây là cố ý giết người, làm sao không có tội được?” Sư nói: “Không có khổ vui.” Và Sư tự uống nếu có ai khuyên thì than rằng: “Hôm nay được một bữa say nằm trên tảng đá vuông”. Không bao lâu Sư tiểu dãi, nước tiểu dính vào đá đều bị vỡ. Hồi lâu ngủ thức dậy, Sư tỉnh táo như thường từ đó về sau, Sư uống rượu càng nhiều, ăn cũng gấp bội.

Đến đầu đời Tùy, Sư được độ xuất gia và phối vào chùa Đăng Hạnh. Ngài bị bệnh hơn một tháng thì thị tịch, thọ hơn chín mươi tuổi. Các đệ tử, đàn việt v.v... sau khi Sư tịch xem xét các y phục và giường nệm của Sư đều có mùi thơm, không hề có mùi rượu.

12- Truyện ngài Thích Phú Thượng ở Ích Châu:

Thích Phú Thượng, không biết Sư là người xứ nào. Sư thường nghỉ qua đêm tại chùa Tịnh Đức ở Ích Châu. Sư thường chôn một chiếc nón

lớn ở đường đi, ban ngày ngồi dưới nói đọc Kinh. Mọi người tuy qua lại nhưng Sư không kêu gọi cúng thí. Có người ném cho một tiền, Sư cũng chẳng chú nguyện, ngài thường ở nơi đường vắng, không vào chốn ồn náo. Tướng trạng ngài như độ tuổi năm mươi, tuy qua nhiều năm mà không được gì. Có người tin tâm nói với Sư rằng: “Ở phía Tây thành phía Bắc Thành, người đông cúng thí nhiều, Sư ở đây làm gì?” Sư đáp: “Một tiền hai tiền đủ nuôi thân mạng, đâu cần nhiều.” Thử sử Lãng Châu là Triệu Trọng Thư làm quan suốt ba triều đại, rất không kính tin, nghe nói Sư như thế nên đến thử. Bèn cưỡi ngựa đi thẳng qua, giả vờ rơi một Quan tiền. Sư chỉ đọc kinh, mắt không hề nhìn lại. Đi đã xa, Triệu Trọng Thư gọi bảo Sư nhặt lấy tiền, Sư cũng chẳng đoái hoài. Triệu Trọng Thư bèn quay trở lại bảo: “Ông có thấy tiền của ta rơi dưới đất chẳng?” Sư đáp: “Thấy”. Triệu Trọng Thư hỏi: “Vậy hiện giờ tiền ở đâu?” Sư đáp: “Thấy có một người nhặt rồi”. Triệu Trọng Thư nói: “Suốt ngày ông ngồi ngoài đường chỉ xin một tiền, chẳng lẽ có một quan tiền dưới đất mà không nhặt lấy? Lại thấy người nhặt đi sao không ngăn lại.” Sư đáp: “Vì chẳng phải vật của bản đạo. Làm sao nhận bừa được?” Triệu Trọng Thư bảo: “Ta cần chiếc áo ca-sa trên mình ông”. Sư nói: “Muốn thì hãy thử, ông dám mang đi thì tôi cũng có thể tặng cho, có thể gọi là được mất một thứ”. Và Sư liền quấn lấy áo mà trao cho. Triệu Trọng Thư liền xuống ngựa mà sám hối rằng: “Đệ tử là người ở triều đại Bắc Chu, làm quan trải qua ba đời vua, thường qua lại với chúng tăng, nhưng ít người chẳng Tham. Nay nghe danh Sư nên đến bái yết, vốn chẳng có ý xấu. Xin thỉnh Sư đến ở Lãng Châu!”. Sư bảo: “Lành thay! Nhưng vì bản đạo muốn kết duyên rộng với Nguyện Công, giúp nước nhà an ủi vô về, tức là mãi được cúng dường!”. Triệu Trọng Thư già từ, khen ngợi rằng: “Trong Mao có người không thể xem thường đó!”. Sau đó, không còn thấy Sư nữa. Có Tô Tướng là người xứ Ích Châu từ Dương Châu trở về lại thấy Sư ở xứ đó, cũng chôn chiếc nón bên cạnh đường đi. Nhan sắc tướng mạo Sư vẫn như thế.

13- Truyện ngài Thích Minh Cung trụ chùa Hội Thiện ở Trịnh Châu:

Thích Minh Cung, trụ chùa Hội Thiện ở Trịnh Châu. Xưa kia khi còn là người thế tục, Sư làm Cao Hạ Chức Kỵ ở đời Tùy, Sư kết bạn tất cả ba người ngang sức tương tự, mà là chỗ rất kỵ ở đương thời. Vua rất lo nghĩ dùng sự để dứt trừ, bèn làm hai gói bánh để dụ, một gói bánh có sừng nai sống, một gói bánh có năm thăng muối, đều ban cho và đều

ăn hết. Người ăn muối ra đến Triều Đường, ruột xé mà chết. Còn Sư ăn gói bánh có gừng Nai, hoàn toàn không có cảm giác gì. Sư bèn nhàm chán thế tục mà xuất gia trụ chùa Hội Thiện.

Sức lực Sư mạnh như thần, không ai sánh bằng. Sư từng giành đất với chư tăng chùa Siêu Hóa. Chùa ấy gọi hạng Vô lại có hơn trăm người đến chiếm đoạt lúa thu của chùa Hội Thiện. Tăng chúng chùa Hội Thiện đều lo buồn, Sư bảo: “Chớ nên lo buồn!” Sư một mình đến chùa Siêu Hóa, tháo chuông lớn ở chùa đó bít lỗ, bỏ sáu thăng cơm khô vào chuông, dùng nước hòa vào có thể ăn được, một tay nâng chịu ở đáy, một tay vốc lấy mà ăn. Chỉ phút chốc, Sư ăn hết cả. Bèn lấy một tảng đá lớn khoảng ba mươi người mới dời nổi mà chỉ riêng mình Sư nhặt lấy như viên đá nhỏ, đứng từ xa ném xuống đất. Mọi người ở chùa Siêu Hóa thấy thế, đồng một lúc kinh sợ, bỏ chạy tán loạn.

Thêm nữa, đến cuối đời Tùy, giặc giã dấy khởi, rảo khắp bắt bớ. Sư bảo trước ở chùa rằng: “Ngày mai sẽ có binh lính đến, nên sửa soạn đầy đủ thức ăn và một con heo lớn”. Chư tăng trong chùa không dám chống chế, bèn theo lời Sư chỉ bảo mà sắm sửa. Đến giờ, sắp đặt chỗ ngồi, bày biện đủ các thức ăn. Sư bắt nhãn với việc ấy, bèn chống gậy đến nơi cùng bọn giặc nói bàn, bọn giặc nhường ăn trước, Sư bèn bày ra vài mươi cái bánh, đặt con heo gói vào trong đó, từ đầu mà cắn ăn, chỉ phút chốc hết cả, bọn giặc kinh sợ khiếp phục, sư bèn vờ về làm đàn vịt giữ gìn chùa. Bọn giặc chấp nhận. Nên từ đời Tùy đến đời Tiền Đường giặc đã giao chiến lẫn nhau, nhưng chỉ riêng chùa Hội Thiện không hề có một bóng giặc qua lại. Đó thật là do năng lực của Sư!

Lại có lần Sư đang đi giữa núi có một con hổ và một con heo đang giao đấu với nhau, con heo dần dần thua thế. Sư bảo con hổ rằng: “Hãy buông tha cho nó đi.” Nhưng hổ chẳng chịu nghe lời. Sư bèn một tay bắt lấy đầu hổ, một tay nắm lấy đuôi hổ, kéo vào hang sâu. Khí lực của Sư, nói ra có nhiều việc không thể tin được, nhưng thật có.

Sư giữ giới thanh khiết trang nghiêm, thường nương theo chúng tăng thọ thực, thức ăn cũng chỉ như người thường. Có lần Sư ăn mà gặp được cơ hầu, bèn ăn hết phần ăn của cả hai trăm người. Đại chúng chỉ rất nghi ngờ, chẳng ai nhận biết lý do. Đến niên hiệu Võ Đức thứ năm (622) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Hội Thiện, thọ tám mươi lăm tuổi.

Có thời gian tại chùa Hội Thiện, có vị Sa-di du khách, miệng nói tiếng người đất Ngô, vào nhà trù đốt lửa, lấy khúc tre khô lớn như cánh tay mà chỉ dùng hai tay bẻ gãy để đốt. Khi ấy, Sư lấy làm lạ, cùng dùng

tay bẻ thử mà không được. Sau khi vị Sa-di ấy đi ra ngoài, Sư ôm chân cột nhà trù nhấc hồng lên và lấy áo của vị Sa-di ấy đặt lên trên tảng đá rồi để cột nhà trù đè lên đó, vì Sa-di trở vào tìm áo không được, thấy ở dưới cột nhà, muốn lấy mà không được. Sư cười và nhấc cột nhà hồng lên cho vị Sa-di lấy áo. Đó cũng là việc khó suy nghĩ.

14- Truyện ngài Thích Pháp Tấn ở núi Trường Dương thuộc Ích Châu:

Thích Pháp Tấn, người ở xứ Tân Phiền thuộc đất Thục. Khi còn ở thế tục, Sư đã rất mực tinh tấn, chẳng ăn dùng các thứ tanh nồng. Tại chỗ làm ruộng nông, Sư dùng cái mai nhọn làm chuông khánh, đo lường tấc bóng mà dùng bữa, có lúc đưa thức ăn đến muộn, Sư chỉ uống nước mà thôi. Ở chỗ đất ruộng Sư cày không tổn hại thân mạng trùng kiến. Có một lúc, ở giữa hư không có tiếng bảo rằng: “Xà-lê Tấn thời cơ xuất gia đã đến!”. Cứ như thế, gọi đến năm-sáu tiếng. Cả nhà đều nghe. Nhân đó, Sư đến núi Lạc Khẩu xuất gia, tu hạnh đầu-đà, chẳng ở nơi phòng nhà chùa viện.

Bấy giờ, Thục Vương Tú đời Tùy nghe tiếng tăm Sư nhưng biết là khó thỉnh được, bèn sai Tham Quân úc Cửu Lư Trưởng Khanh đến thỉnh. Trưởng Khanh cùng dẫn theo tùy tùng có khoảng mười người từ già nói với Vương Tú rằng: “Vâng thừa có đạo đức, nếu thỉnh mà không đến thì sẽ bày ra tục pháp để ứng xử”. Vương Tú bảo: “Không nên dùng oai thế để bức bách, chỉ nên dùng lý để thỉnh ngày mai phải đến đây!”. Trưởng Khanh ra khỏi cửa thành, nhìn lại bảo rằng: “Ngày nay tôi và các ông lên cung trời Đâu suất thỉnh Đức Phật Di-lặc cũng còn hy vọng được, huống gì Đạo nhân ở trong núi có gì mà không đến”. Mới vừa đến dưới chân núi Cát Dương, mặt trời đã chiều tối, thấy hổ ra ngồi xổm trên đường, Trưởng Khanh bảo người bản. Đoàn ngựa đều trốn chạy hết. Muốn đến trong thôn nghỉ lại thì sợ trái với lệnh vua. Không bao lâu thì thấy một vị tăng mang xiêm lên núi, Trưởng Khanh bèn bảo ở lại làm bạn. Những người đi theo đều ở lại, đi bộ đến chùa, Sư gọi vào đến giường. Lại thấy hổ nằm dưới giường, Trưởng Khanh kinh sợ chẳng tự an tâm. Sư bảo hổ ra ngoài. Trưởng Khanh trình bày lại đầy đủ ý của Vương Tú, tuy có đối đáp mà sợ hình luật nơi tướng trạng. Sư bảo: “Đàn việt mới vừa ra khỏi cửa thành rất hùng dũng, nay đã đến đây vì sao lại khiếp sợ?” Trưởng Khanh đành lễ Sư mà im lặng. Nhân đó nghỉ lại đến sáng. Sư bảo: “Đàn việt hãy trở về Ích Châu trước, bản đạo sẽ đến sau”. Trưởng Khanh về tới Đài Vọng Hương, ngoái nhìn lại thì Sư đã đến

kip, bèn cùng nhau ra mắt Vương Tú. Sư vào nội cung, Vương Tú cầu thọ giới pháp, xong rồi, liền trong ngày đó Sư từ già trở ra. Với mọi vật Vương Tú dâng cúng, Sư không nhận lấy một thứ gì, Sư nói là đến dừng nghỉ ở chùa Pháp Tự. Vương Tú ngoái nhìn lại mọi người chung quanh và bảo rằng: “Nhìn thấy vị tăng ấy, khiến khắp mình Quả nhân nổi ốc. Thật là do giới thần giúp đỡ!”. Về sau, Vương Tú lại thỉnh Sư vào Thành, Vương Tú từ xa trông thấy Sư liền đánh lễ. Sư bảo: “Vua hãy tự an lạc, Pháp Tấn tự an vui. Vì sao lại náo loạn nhau, làm nhữnh việc vô ích như thế?” Chư Tăng can ngăn Sư rằng: “Vua người đứng đầu đất nước, nên khéo thăm hỏi, vì sao lại quở trách”. Sư bảo: “Các Đại đức sợ chết nên phải cầu ý Vua. Mắt đã trông thấy việc xấu ác mà đều không dám khuyên răn. Như vậy sao gọi là Hoằng Pháp được? Pháp Tấn tôi không sợ chết, trách lỗi thì đâu có gì hiểm ngờ ư?” Tuy Vương Tú lập bày các thứ ghế ngồi trang sức, thức ăn mùi vị đượm hậu, mà Sư chỉ ngồi trên giường dây xấu cũ, ăn bánh dỗ mà thôi. Cho đến các cung phi cầu xin thọ giới, Sư chỉ trách buông lung không nghĩ nhớ vô thường. Sư lại già từ trở về núi. Sau Vương Tú lại mời Sư vào nội cung ba ngày, mãn hạn, Sư trở về lại nơi cũ.

Các hàng Thanh tín đều thiết bày vật thực mà thỉnh Sư. Đến giờ, mọi nhà đều xưng gọi là Sư đến chứng trai, tất cả có đến mười hội, mới là Sư bèn phân thân đến mười nơi. Có lần, Sư cùng chư tăng xuống núi để chứng trai, bỗng nhiên Sư phát cười, có người hỏi về lý do. Sư bảo: Ở chùa núi hiện có tịnh nhân duyên qua vách tường vào trộm đường mật”. Khi trở về quả nhiên đúng như lời Sư nói. Mọi việc như thế chẳng phải chỉ một lần. Ở đây chỉ nêu sơ lược.

Ban đầu, nơi Vương Môn có Sa-môn Từ Tạng làm Tăng Quan ở Châu, lập ra chính sách nghiêm khắc, bình bát y phục hương hoa nếu thiếu sót thì liền bị đánh, nên chúng tăng rất khổ sở. Nhưng vì Sư được Vua kính trọng, nên không ai dám cản ngăn, chỉ thưa trình sự việc ấy với Sư, xin Sư cứu giúp. Sư bảo: “Từ Tạng oai lực như thế, đâu thể nghe lời ư?” Chúng tăng tha thiết cầu xin thưa thỉnh không thôi. Sư bèn đến cửa phòng ngài Từ Tạng. Ngài Từ Tạng đi ra. Sư bảo rằng: “Pháp môn không thể như thế, Ngài thật quá lắm.” Ngài Từ Tạng bèn trở vào phòng. Từ đó, ngài Từ Tạng bèn dứt lời, tăng chúng nhờ đó mà được an.

Đến niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Sư thị tịch tại núi, thọ chín mươi sáu tuổi.

15- Truyện ngài Thích Đạo U trụ chùa Xà-lê ở Đại Châu:

Thích Đạo U, Sư là vị Tăng trụ chùa Xà-lê ở Đại Châu, rất giỏi về giảng giải kinh luận. Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Sư đang ở tại chùa, giảng “Bà-già” Bát-nhã Tinh luận”, thính chúng có hơn trăm người. Vào giờ ngọ, ngồi trên giường dây, Sư bỗng thấy một vị trời rất cao lớn lạ thường, tự nói rằng: “Ta là Thích-đề Hoàn-nhân đến xin cầu thỉnh Sư lên cõi trời giảng kinh!”. Vừa nghe, trong tâm Sư không chấp thuận, nhưng vì sợ chết, nên Sư đáp rằng: “Vì đang xây dựng Phật đường chưa hoàn thành, vì vậy nên không thể được”. Đến lúc tỉnh giấc, Sư kể lại cho vị thị giả là Pháp sư Như nghe, Pháp sư Như nói: “Việc ấy ít có, người sống cuối cùng sẽ phải chết, lúc chết không biết sinh vào loài nào, nay được sinh lên cõi trời thì tốt đẹp hơn cõi người. Khai thông pháp lợi thì các vị trời thấu hiểu hơn loài người, Sư chẳng đến sao được? Còn công đức xây dựng Phật Đường chẳng đáng nói”. Sư nghe theo. Sau đó không lâu, Sư lại mộng thấy như trước, y như lời vị trời thỉnh mời. Thiên đế bèn rót ít hương vào lòng bàn tay Sư định thời gian đến đón rước. Đến khi Sư tỉnh giấc thấy trong tay có mùi hương xông ngát cả chùa. Sau đó, Sư vẫn như trước nói pháp. Sau khi xuống giảng tòa, Sư đến dưới hàng hiên, Chư tăng ở trên ghế xa thấy hơi khói hương khắp một bên ghế, kinh lạ, bèn cùng nhau đến xem, thấy trên tay Sư đang bưng lò hương, thân tâm an trú trong chánh niệm mà thị tịch. Khi đó, các hàng đạo tục ở phía ngoài chùa trông thấy hơi mây từ chùa tỏa ra như một ráng mây vọt thẳng lên giữa hư không vùn vụt mà biến mất.

16- Truyện ngài Xà Lê Sâm trụ chùa Thiện Cư ở Tương Châu:

Xà-lê Sâm, trụ ở chùa Thiện Cư thuộc Tương Châu. Không rõ Sư là người xứ nào. Sư ở trong chùa chuyên thiền quán tụng niệm là chánh nghiệp, Sư có sự sáng suốt thấy biết trước, mà chùa ở nơi chốn núi chằm nên mọi sự cung cấp cúng dường vốn thiếu thốn, gạo thóc vật thực không có liên tục. Thường ngày Sư mang chum vào thành xin rượu để uống. Lại xin đầy chum có thể nhiều đến ba đấu, khi trở về trên đường vừa đi vừa uống. Về đến chùa thì chum cũng hết rượu, ngày hôm sau, Sư lại tiếp tục như thế.

Ở chùa mở trai, Sư mang chum đến nhà trò xin cháo khoảng ba thăng, rồi cầm tích trượng đi vào trong chúng, dùng trượng đánh vào đầu chư Tăng từ trên xuống dưới, thường ngày cứ như thế, mỗi người đánh một cái. Mọi người đều cho Sư là người trác việt lạ thường, hoặc

nghe là đánh để tan mất tai ương nên chẳng từ chối nhận chịu. Sư đem cháo vào phòng, Ngài có nuôi một cho chó lông màu đen sạm, và trong chùa có đến mấy ngàn con chuột. Mỗi sáng nhóm họp, chó và chuột cùng ăn chung đầy kín cả sân. Các hàng đạo tục cùng nhau đến xem. Một hôm, mất một con chuột, Sư buồn thảm không thôi, cho là do chó giết, Sư bèn trách phạt chó, chó ngậm mang con chuột đến, Sư trông thấy mà áo não, lấy gậy đánh chó. Sư đem chuột chôn cất rồi buồn thương khóc rờn. Chư tăng trong chùa bị chuột cắn gặm y phục và cả hòm rương, đem việc đó báo mách việc đó với Sư. Sư bèn gọi cả đàn chuột đến, răn bảo mỗi con phải cùng gìn giữ. Có một con chuột không chịu gìn giữ. Sư bảo: “Sao ngươi cắn gặm y phục của người?” Và dùng gậy đánh đó.

Khi ấy vì chùa đông nghèo khổ, Sư xuống dưới mé suối Bạch Mã thuộc phía Đông bắc của giảng đường, dự ghi nơi này làm nhà trù, nhà kho, chỗ kia làm kho lẫm, v.v... Mọi người đều cười nhạo. Qua đêm bỗng nhiên nước cuộn lù đất ra, nên y như lời Sư nói mà làm, bèn khiến cho dời đào. Sư lại xa dự ghi rằng: “Mười sáu năm sau sẽ có người ngu đến ở phía nam của chùa xây dựng lầu nhiều tầng. Tuy cơ nghiệp của chùa không thiếu, nhưng có sự tranh tụng không thể ở yên”. Đến niên hiệu Vĩnh Huy (650-659) thời Tiên Đường, thì có người đến xây dựng lầu nhiều tầng, do đó kiện tụng lẫn nhau. Thật đúng như lời Sư nói.

17- Truyện ngài Xà Lê Thông trụ chùa Thiên Bảo ở Đan Dương:

Xà-lê Thông, trụ chùa Thiên Bảo ở Đan Dương. Vào cuối niên hiệu Trinh Quán (650) thời Tiên Đường, khi đó Sư đã tám mươi tuổi, mà khí lực vẫn còn khoẻ mạnh, nghi dung khoan thai. Sư thường mặc áo nạp, áo dày một tấc, sợi chỉ lớn bằng ngón tay được dùng để vá nạp, rất là thanh khiết. Sư chuyên trì tụng Kinh Pháp Hoa, vào chợ khát thực, vật xin được chẳng khác thế tục. Có được tiền của thì Sư tu tạo sửa sang chùa viện phòng nhà.

Giảng đường chánh điện chùa đó được xây dựng từ đời Lương. Cát đỏ rười rứa, tô đắp rất dày. Đến đầu thời Tiên Đường, Thiên sư Thiệt khảm tượng đồng lớn, cần có Thủy ngân nên đến xà nhà nạo lấy mà sử dụng đầy đủ, ngoài ra dưới chân cột vẫn còn màu đỏ. Như thế đủ biết người xưa làm phước rất mực quý trọng, không hề từ nan, nếu chẳng dùng đó thì vật xưa đâu còn. Đến lúc nền chùa cần sự sửa sang tu bổ thì Sư bảo: “Có vàng để giữ nước xưa hãy lấy để sửa chữa”. Bèn đến phía Bắc chùa chừng bốn mươi bộ, y theo lời bảo mà đào bới lấy mười

cân, dùng hết, lại lấy được ba mươi cân cân. Sư bèn nói: “Dưới đất lớn có nhiều vàng nhưng càng lấy thì phải giết người”. Lúc ấy bèn thôi.

Về sau, Sư tự tạo một cái hang đất ở phía Bắc chùa, để sẵn khi qua đời. Khi đó, chưa ai nghiệm biết. Không bao lâu, Sư bảo với chúng tăng rằng: “Bình thường đến lúc qua đời phải có sự phó chúc, đem các thứ của cải ra chỉ định trao truyền rất rõ ràng”. Sau đó ba ngày, thần khí Sư vẫn sáng suốt khỏe mạnh, nhưng Sư bảo là “Sắp đi!” Bỗng nhiên không thấy Sư đâu cả, mọi người bèn đến xem chỗ hang đất thì cửa đã lấp, chỉ mở một lỗ nhỏ. Ngài nằm dúm nơi đất, hơi thở đã dứt. Sư thọ hơn chín mươi tuổi.

18- Truyện ngài Thích Pháp Khánh trụ chùa Ngưng Quán ở Kinh Đô:

Tại phía Tây Bắc kinh đô có chùa Ngưng Quán bị hoang phế. Chùa đó có một pho tượng Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đứng cao trượng sáu, nghi dung tôn tượng khác lạ, thường phát ra ánh sáng. Pho tượng đó do Sa-môn Thích Pháp kháng ở tại chùa đó đắp vào niên hiệu Khai Hoàng thứ ba (583) đời Tùy.

Khi đắp tôn tượng vừa xong, chưa kịp sơn phết thì ngài Pháp Khánh bỗng nhiên thị tịch. Cũng trong ngày đó tại chùa Bảo Xương có Sa-môn Đại Trí cũng thị tịch, ba ngày sau sống lại kể rằng: “Ban đầu đi vùn vụt như cưỡi giữa gió mưa, có thể đi khoảng trăm dặm, thấy một cung điện, người vật xinh đẹp khác thường. Lại thấy có một người giống như vua, hai bên nghi trượng rất oai hùng, chỉ trong khoảnh khắc thì thấy ngài Pháp Khánh đi đến mà nét mặt tỏ vẻ u buồn. Lại thấy có một pho tượng lớn nói với người trên điện rằng: “Sa-môn Pháp Khánh đắp tạo tôi chưa xong, vì sao lại chết đi?” Người đó vội bước xuống điện bái lạy xong, gọi người dưới thêm cấp mà hỏi rằng: “Ông Pháp Khánh đã hợp với cái chết chưa?” Người dưới thêm cấp đáp rằng: “Mạng chưa hết mà thức ăn đã hết”. Người ấy bảo rằng: “Hãy cấp lá sen để kết thúc phước thọ của người ấy!”. Nói xong, pho tượng và ngài Pháp Khánh liền biến mất”.

Khi đó, ngài Đại Trí hỏi chư tăng ở chùa Ngưng Quán rằng: “Ngài Pháp Khánh tịch đến nay đã ba ngày, pho tượng cao trượng sáu do Ngài đắp tạo đêm đó cũng biến mất qua đến rạng sáng hôm sau mới thấy lại”. Khi đó, mọi người đều khen ngợi lấy làm lạ. Đang bàn nói chưa xong, thì có người đến báo ngài Pháp Khánh sống lại. Đại chúng đều đến thăm hỏi, thì Sư nói giống như ngài Đại Trí. Từ đó mỗi mỗi sáng mở trai, Sư lấy sáu lá sen, bữa trưa thì tám lá, hễ lúc nào muốn ăn thì

trước rót nước nóng vào cho ướt mềm rồi mới ăn. Ngài (Pháp Khánh) đi khắp mọi nơi xa gần khuyến hóa các hàng sĩ tục cúng dường để đắp tạo pho tượng đó. Đến đầu niên hiệu Đại Nghiệp đời Tùy (605) Sư thị tịch, thọ bảy mươi sáu tuổi.

Gần đây có Đơn Đạo Tông người ở Vị Nam thuộc Ung Châu, trong niên hiệu Vĩnh Huy thứ năm (654) thời Tiền Đường, vì bị bệnh phong, nên dung nghi Sư biến đổi, dần dần về sau, với mùi vị các thức ăn uống đều hôi thối, nên Sư chỉ ăn đất uống nước. Người đương thời gọi Sư là “Nhân Đàn”. Đến nay đang rao bước khắp nơi để xin ăn, tuổi có thể đã ngoài bốn mươi.

19- Truyện ngài Thích Đức Sơn trụ chùa Thiên Sắc ở Ích Châu:

Thích Đức Sơn, họ Sơn, không biết Sư là người xứ nào. Bỗng nhiên Sư dứt bỏ vợ con, vào núi tu đạo, râu tóc không rảnh mà cạo, ăn mặt cũng không rảnh để coi sóc, Sư chỉ dứt duyên lẳng niệm lấy làm đắc tánh. Mọi người đều không biết về Hành Quán của Sư như thế nào, thấy tướng trạng Sư như người đắc Định.

Bấy giờ, ngài du hóa ở vùng Long Trì thuộc Trúc Lâm, Khai ngộ các hàng đạo tục, lấy sự thanh tịnh đơn giản làm gốc. Sư thường nói rằng: “Pháp phiền loạn thì đạo tục đều tệ xấu. Nên chính sách hà khắc thì nước loạn, tâm phiền não thì ý loạn. Nước lẳng trong thì cá, đá đều thấy được, thần lẳng trong thì ý tưởng điên đảo nhận biết được. Người học thanh tịnh đơn giản còn tự ồn ào phiền nhiễu, huống gì loạn sử mà có thể đắc Đạo ư?”

Về sau, Sư vào núi Mã An, ở đó thường có nhiều rắn độc, cắn người thì chết ngay, nhưng Sư qua lại đều không bị làm hại, còn như các trẻ nhỏ theo hầu sớm tối đi lại cũng không lo sợ gì. Có lần đạp phải nên bị cắn, Sư dùng nước tẩy rửa, tự nhiên được bình phục. Sau, Sư lại trở về ở núi Thiên Sắc, an cư kiết hạ dưới gốc cây. Có người đến chỗ Sư, bị hổ rượt, bèn chạy vào dưới giường Sư, hổ đến ngồi đợi trước giường. Sư bảo hổ rằng: “Thịt của Phật từ ở dưới giường mùi vị có hơn thịt bần đạo đây chăng?” Và liền cởi áo để thí xả, hổ bèn đứng dậy đi thẳng. Sau đó, có một đứa trẻ đến thưa hỏi Sư. Sư bảo: “Người đến đây làm gì?” Đứa trẻ đáp: “Từ lâu không được trông thấy, không biết sống chết thế nào, nên đến xem thử?” Sư bảo: “Người hãy đi đi, mỗi người hãy tự tìm sự sống, nếu còn đến đây ta sẽ cho ăn gậy đó.” Đứa trẻ bỏ đi, sau đó mấy năm lại đến. Sư cầm gậy định đánh, đứa trẻ lùi lại nói rằng: “Xà-lê gặp con mà như người khác. Người khác có thể chịu đánh ư?” Ngài cười lớn

và bảo: “Ta không đánh người, thì người sẽ làm hư hại Đạo ý của ta!”. Đức trẻ bèn đi thẳng. Đến lúc hơn chín mươi tuổi, Sư thị tịch tại am cốc ở núi.

Bấy giờ, tại chùa Thảo Đường ở Ích Châu, có Sa-môn Húc Thượng, không biết Sư là người xứ nào. Từ thuở thiếu thời Sư đến trụ chùa Thảo Đường, chỉ lấy sự thiền quán, tụng niệm làm việc chính, ngoài ra không tạo tác một việc gì. Ở đất Thục rất chuộng hai ngày mồng tám tháng hai và mồng tám tháng tư, mỗi lúc đến hai ngày ấy, mọi người khắp bốn phương đều nhóm họp thâu vui chơi, còn chư tăng thì bận rộn vội vàng không chút nhàn nhã. Nhưng Sư vẫn ngồi thẳng bên rừng trúc, điềm nhiên lắng tưởng, bình nước vẫn tự đầy tràn, lò hương vẫn tự đốt cháy. Mọi người ở phía Tây Thành thấy vậy nên cùng theo tham dự. Sư vẫn nghiêm nhiên bất động đồng như vàng đá, sau ba ngày Sư mới trở lại như thường. Bốn chúng thấy đều kính trọng mà lấy làm lạ, nên xem Sư như mặt trời vừa xuất hiện lúc sớm mai, cùng gọi Sư là Húc Thượng. Sư thọ đến chín mươi tám tuổi mới thị tịch.

20- Truyện ngài Thích Đạo Duyệt ở núi Thanh Khê thuộc Kinh Châu:

Thích Đạo Duyệt, họ Trương, người ở xứ Chiêu Khâu thuộc Kinh Châu. Năm mười hai tuổi, Sư đến chùa Ngọc Tuyền xuất gia thọ giới. Ngài chịu nghèo khổ, rất hay trì niệm các Kinh Đại Phẩm, Pháp Ho, thường tụng làm chánh nghiệp. Tùy chỗ nào có kinh giới, mỗi ngày Sư tụng một quyển. Mọi người đều lấy làm lạ.

Ban đầu, ngài Trí Giả vào trụ chùa Ngọc Tuyền, chưa có chuông Khánh, ở dưới suối nhặt được một mẩu đá lạ, treo lên để đánh, âm thanh vang hưởng trong suốt. Ngài (Đạo Duyệt) trụ tại chùa đó, mỗi lúc tụng xong quyển kinh, đánh một tiếng khánh mà xuống, người nghe thấy đều cung kính. Vả lại, tiếng Sư tụng kinh trong suốt như âm vận của dòng nước chảy, người nghe quên cả mệt nhọc. Do đó, trong cõi sáng tối thường có điềm lành. Có một thời gian Sư bị bệnh nước, bụng trương lên như cái trống. Nhưng Sư không hề cầu cạnh gì, chỉ xưng niệm kinh Bát-nhã, một đêm tụng kinh một biến, bỗng nhiên bụng như xé rách, nước tuôn đổ tràn đầy, bèn thử đưa tay sờ tìm thì chiếc bụng trương đã tiêu mất, bệnh liền tan biến. Đó gọi là chuyển chương mà thọ khinh.

Xưa, bọn giặc Chu Sán đến phá nhiều chùa, chỉ một mình Sư ở lại giữ núi, kẻ trộm đến xin, Sư giảm bớt phần ăn mà ban cấp cho. Kẻ trộm lại lấy thêm để nấu mà không chín, bèn xấu hổ mà bỏ đi. Ngày khác bọn

giặc lại đến, định hại mạng Sư, Sư vẫn ngồi dưới đất không lay động, bảo rằng: “Hại ta chỉ ở đây, ta muốn chính mắt trông thấy chùa chiến phòng nhà lấy hết”. “Giặc bèn thả bảo dẫn đường. Đi được vài bước, Sư lại ngồi xuống đất bảo rằng: “Ta là Sa-môn, chẳng phải là người dẫn đường. Với hình hài phù huyễn, mặc tình theo cùng bạch nhận”. Bọn giặc lấy làm lạ về sự cao thượng ấy, bèn đưa Sư trở lại chùa.

Trọn một đời, Sư chẳng mặc áo bằng tơ tằm, chỉ mặc áo vải gai bố. Hán Dương Vương đến núi, thấy phong nghi của Sư mặt mày tuấn tú bèn xin thọ giới phẩm, lại cúng dường dâng tặng nông hậu. Sư không nhận lấy một vật gì. Hán Dương Vương làm ba pháp y bằng vải bố lớn và một chiếc áo lót để dâng cúng Sư, nhân đó hỏi Sư “Vì sao không mang mặc các thứ gấm lụa ư?” Sư đáp: “Y phục bằng tơ tằm phải tổn hại sinh mạng mới có, trái với tâm của nhẫn nhục, y phục bằng vải bố sạch sẽ tiết kiệm biểu thị tướng từ bi!” Hán Dương Vương nói: “Trọng Do chẳng xấu hổ, Phu Tử được tôn xưng, Sa-môn từ bi nhẫn nhục hẳn là như vậy!”. Sư lường tác bóng mà ăn, ít khi khặt nhổ, thức ăn Sư lưu lại một phần để thí cho các loài bay chạy bơi lội. Nên do sự xông cướp của đức hạnh từ thiện mà hoặc chim bay lại đậu trên vai Sư, cá bơi nổi vào trong lòng bàn tay Sư. Tuy Sư mặc y phục thô xấu mà không hề có rận rệp. Bấy giờ, ngài lại đi quanh trong thôn ấp xin chấy rận để nuôi, Sư răn bảo mọi người chớ nên giết hại chúng. Sư ở tại núi hơn năm mươi năm, Sư thị tịch trong hang núi, thọ bảy mươi hai tuổi.

Vào niên hiệu Vĩnh Huy (650-655) thời Tiền Đường có người ở núi Thanh Khê thấy một vị tăng, tay cầm tích trượng, đi chân không, tự xưng là “Bát-nhã Sư”, nói xong bèn biến mất. Vì lúc còn sống, Sư thường trì tụng Kinh Bát-nhã, nên mọi người đều gọi như thế.

21- Truyện ngài Thích Tuệ Diệu trụ chùa Nội Hoa ở Kinh Châu:

Thích Tuệ Duệ, họ Kỳ, người ở xứ Tương Dương. Thuở thiếu thời, Sư trầm lặng, nói năng chậm rãi, việc làm nhanh nhẹn, mọi người đều quý trọng. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư đi khắp nơi hỏi Đạo, đến chỗ Pháp sư Mạng ở Trịnh Xuyên, Sư lại đến chỗ Thiên sư Tuệ Tư ở Hành Nhạc, và đều hết lòng thưa hỏi điều lợi ích, quán dụng rõ ràng. Ngài Tuệ Tư ở giữa đại chúng bảo Sư rằng: “Đối với Thật Tướng Quán, ông khéo có được huyền thú”

Ở núi được mấy năm, gặp lúc ngài Tuệ Tư thị tịch, Sư muốn dứt vết ở Võ Đan để mong cầu Tố Thượng, vừa đi đến Ba Khâu, Sư tự bảo rằng: “Ở xứ này, thiên luật ít được nghe, có thể tùy duyên mà hành

hóa”. Có Pháp sư Đạo Ý trụ chùa Đạo nhân ở Giang Lăng, nghe chí khí của Sư bèn đến kết giao. Theo hướng Tây, Sư lên trụ chùa Đạo nhân, suốt mười bốn năm Sư không ra khỏi sân cửa chỉ thưởng vị Thiền tĩnh. Gặp lúc ngài Trí Khải trở về quê cũ, than rằng: “Quê cũ không có bạn hiền đủ để làm khuôn phép cho Di pháp!”. Do đó, các hàng Đạo tục ít đến lễ yết. Sư đóng bít cửa chuyên trì mật hạnh chẳng gặp gỡ người thế tục đương thời.

Đến cuối niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy. Sư nói với mọi người rằng: “Ta không muốn làm phiến hà chúng tăng ở đây, muốn đến ở chùa Nội Hoa để có thể thư thả hơn”. Tăng chúng cố lưu giữ mà ngài không chấp thuận. Đến tháng hai niên hiệu Nhân Thọ thứ ba (603) đời Tùy, Sư bị bệnh nhẹ, thấy hai thầy Tuệ Tư và Mạng đến đón rước. Qua ngày mồng sáu tháng ba, Sư ngồi kiết già thẳng lưng mà thị tịch, thọ bảy mươi chín tuổi. Được an táng tại chùa Nội Hoa.

Lúc Sư chưa tịch, trong chùa có ba mươi người đều nằm mộng thấy chùa bị nghiêng đổ, đến sáng sớm mọi người khác miệng đồng lời mà nói lại điều đó. Xưa kia gọi là chùa Đạo Nhân tức nay là chùa Thiên Hoàng. Thấy có Bách điện năm gian hai tầng. Hữu Quân Tướng Quân Trương Tăng Dao đời Lương tự cầm bút vẽ. Tại điện đó, người thợ, đắp họa tôn tượng Đức Lô-Xá-Na ở phía Bắc, tướng tốt trang nghiêm, ánh sáng thường phát ra. Phía trước điện có năm thêm cấp cũng phát ra ánh sáng. Điem lạnh rất nhiều nên chẳng ghi đầy đủ. Do đó điem lạnh luôn gá ở đó.

22- Truyện ngài Thích Đạo Biện ở Đông Nhạc:

Thích Đạo Biện, Sư là Danh nhân đất Tề, Sư trụ chùa Linh Nham ở Thái Sơn, dừng ở không nơi nào cố định, Sư chuyên đi khắp các nơi lấy làm việc chính. Sư thấu suốt Kinh Sử, giải rành về số thuật.

Vào niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) đời Tùy, Sư đi đến Tương Châu, lúc đó tuổi đã ngoài bảy mươi. Sư lại cùng Sa-môn Thần Biện người cùng ấp, theo nhau roi gậy lên núi nhìn ngắm núi sông. Có nhiều chỗ Sư đi đến như đã từng thấy nghe. Ngài đi đến Lãnh Vọng ở phía Nam chùa Thiên Cư nói rằng: “Chùa đó do Sa-môn... Đạt xây dựng cùng tận thế núi, tăng chúng rất đông rất mực thanh tịnh, trang nghiêm. Vì sao hàng Hậu duệ lại xây dựng lầu gác ở phía trước chùa, chừ tăng trong chùa chẳng những giảm ít mà còn thêm tranh chấp, hai nơi liên nhau nhưng không hề bước qua, rất đúng như lời Sư nói. Bấy giờ, Sư đến các chùa nói rõ mọi sự hơn kém. Không đâu chẳng U thông, trước nhận

biết soi xét tinh linh, Ngài lại đến các chỗ Tháp mộ, cũng trình bày mọi sự tốt xấu. Có một vị sĩ tục quên mất họ tên. Thỉnh Sư tô lại phần mộ ấy. Sư đi qua các bình nguyên, chỉ chỉ một nơi và bảo rằng: "Trong đây có thể an đặt Phần mộ, đầy đủ ăn uống, giàu có của cải. Đào sâu xuống đất khoảng ba thước được một thặng lúa thóc, lại sâu thêm 1 thước có phiến đá năm mầu ánh ngời. Đó gọi là Tài Duyên". Người ấy y theo lời Sư mà đào, quả nhiên có được lúa thóc và đá, bèn thực hành bốc táng, đến nay có sự hưng thịnh lớn.

Tại Tương Châu, có Viên Sơn Tùng là người xem rộng các kinh cáo, người đương thời gọi đó là Nho Tông. Nghe ngài học rộng nên lại tìm đến, đem Dương Tử Thái Huyền Vương Bật là Dịch Đạo để cùng tham cứu sâu mầu. Sư bảo: "Đạo thuật của Dương Vương chưa đủ để tham tầm, hãy ban tặng cho kẻ ngu, không học, không trí tuệ". Viên Sơn Tùng biến sắc, mặt cười trước sự đê ép và tăng bốc của Sư. Sư bảo: "Ông học chưa khắp cùng, nên tin theo thuật trước đó, hãy trừ bỏ sự bền bỉ của ta, ta sẽ chỉ cho lối trở về". Bèn viện dẫn Kinh Thái Huyền v.v..., lại đến chỗ lưu tâm riêng của Huyền Tượng, chẳng hề nằm ngủ, ban đêm thấy bày, xét thứ lớp của Tú Đạt, xét quang cảnh của Bột tuệ (sao chổi), Sư bèn nói với người rằng: "Xưa kia, tôi ở chỗ Pháp sư Dự, học Quán về Thất Diệu. Pháp sư Dự bảo tôi rằng: "Samôn Đạo An đời Tấn rất giỏi về thuật này. Người tuy đã thị tịch mà di Văn vẫn hiện còn". Sư có chú giải kinh về Tố Nữ rất là quan trọng, chỉ tiếc là mất bản văn ấy, làm sao có được!" Khi đó có một vị tăng tình cờ có được bản văn ấy, nên thỉnh Sư bày giải. Sư thấy có được nên rất vui mừng, liền giải thích rõ. Vị tăng ấy mịt mờ, tình ý giống như biển mộng, bèn đem cho. Sư bảo: "Sao gọi là Di Thiên (cùng khắp đất trời) thật chẳng đối xứng, học gồm Di Luân, sót thuật cùng tận. Đây tuy chỉ bốn trang giấy mà văn từ bao gồm không sót, yếu ước bao gồm dồi dào hết cả linh đài. Khi đó, trăng soi đến sao Tỉnh, Sư bèn bảo rằng: "Việc ở Tây Sở, hãy báo cho các hàng Đạo tục biết, nên chuẩn bị nước đầy đủ". Chưa đầy hai đêm, sông Hán bỗng nhiên nước dâng lên tràn ngập, Tương Ấp Thành Hoàng sắp chìm đắm. Sư có được sáng suốt dự kiến đại loại như thế. Các tài vật có được, Sư đều sung vào dùng làm vàng chợ, dùng việc hợp thuốc để kéo dài thọ mạng. Người báo đến trộm không thể thực hành. Sư bèn nói: "Trộm giả độn giáp sáu Đinh, tôi rất rành về thuật ấy, thường đầu tháng thêm khí, sao được xem thường nhau, Tôi không hề sợ".

Vào niên hiệu Nghĩa Ninh (617-618) đời Tùy, Sư cùng ngài Thần

Biện đi về hướng Nam đến Lãnh Biểu, sau đó không biết Sư đến xứ nào.

23- Truyện ngài Thích Tuệ Lâm trụ chùa Kiến Minh ở Ích Châu:

Thích Tuệ Lâm, họ Tiết, người ở xứ Thần Tuyên thuộc Miên Châu. Vào đầu đời Tùy, Sư ẩn cư tại chùa Kiến Minh, thanh bạch rỗng rang, Sư chỉ giữ sự tĩnh lặng, chẳng giao tiếp với mọi người. Chùa có một pho tượng đắp, thường được cúng dường, tượng vì mọc ra ba mươi sáu sợi râu. Đến cuối niên hiệu Đại nghiệp (617) đời Tùy, Sư quét tước nơi một phần mộ cổ, trồng hai cây tre và bảo rằng: “Đây là Thiên nhân”. Sau đó, bỗng nhiên Sư nhổ bớt một cây, bảo rằng: “Hoàng Nông Dương bị ma nhỏ”. Không bao lâu thì đổi sang niên hiệu Nghĩa Minh (617-618) cũng đời Tùy, có lúc Sư mặc áo kép an cư kiết hạ ở trên gò mả cao. Ban ngày tuy nóng như lửa đốt nhưng thân Sư không tỏ vẻ nóng bức. Miệng tuy nói Đạo mà thân đồng với thế tục. Mỗi lúc nói bàn đều lấy lý làm trước tiên. Tại huyện Lạc xưa có một ngôi tháp của vua A-dục, có một lúc bỗng nhiên Sư đi ngang qua xóm dẫn theo ba trăm cỗ xe, nói “muốn đến huyện Lạc rước tháp đến tôn trí nơi đây”. Chưa được mười ngày, thì tháp lửa thiêu đốt.

Đến niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường, Sư ngậm lẳng giữa đồng cỏ, mọi người không ai biết, ở đó có Sa-môn Dương Hựu, không biết Sư là người xứ nào, đi thẳng đến trong đồng cỏ gặp Sư. Từ thuở bình sinh chưa từng gặp gỡ mà hai ngài đối diện nhau vui vẻ như bạn bè xưa cũ. Mỗi người tự nói: “Từ lúc cách biệt đến nay đã tám trăm năm.” Sư từng vì người mà chú nguyện cho lành bệnh, người bệnh bảo người con gái mang khổ đến cúng thí, người con gái bèn để lại áo mà đưa thẳng đến. Sư từ xa thấy bảo rằng: “Chỉ đem khổ lại, ta không cần tiền”. Cô gái kinh hãi cho là bậc Thánh.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ tư (630) thời Tiền Đường, Sư thị tịch.

24- Truyện ngài Thích Hồng Mãn trụ chùa Cứu Độ ở Kinh đô:

Thích Hồng Mãn, họ Lương, người ở xứ Nam Định. Khi đang còn ở thế tục, năm mười lăm tuổi, Sư bị bệnh hai chân co quắp. Sư thường niệm tụng kinh Quán Thế Âm suốt ba năm, bỗng nhiên có một vị tăng cầm lọ nước tắm đến đứng trước mặt Sư mà không nói gì. Sư hỏi: “Sư từ đâu đến?” Vị tăng đáp: “Vì Đàm Việt thường kêu gọi nên tôi đến!”. Sư cúi đầu hỏi rằng: “Đệ tử vì tội báo gì mà nay phải bị co quắp thế

này?” Vị tăng ấy bảo: “Thân trước của ông thường trói buộc các loài vật, nên ương họa còn lại như thế. Ông cứ việc nhắm mắt, ta sẽ trị liệu cho”. Sư bèn theo lời bảo mà nhắm mắt, và chỉ cảm giác ở trên hai đầu gối mỗi bên nhỏ ra đỉnh gai chùng năm – sáu tấc. Đnh đã vất bỏ rồi, Sư mở mắt ra, định tạ ân, thì vị tăng ấy đã biến mất. Sư đứng dậy đi lại bình thường như xưa. Và Sư mới biết đó là Bồ-tát Quán Thế Âm, nhân đó Sư tinh tấn chí thành, thề không cưới vợ. Sau bỗng nhiên Sư tự thông hiểu Thiền Quán, Sư chỉ ngồi yên không lay động suốt ba ngày, rồi đến bảy ngày.

Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Sư lìa thế tục xuất gia theo đạo, trụ chùa Cửu Độ. Đến niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) đời Tùy, Sư đến trụ chùa Pháp Hải. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười ba (639) thời Tiền Đường, Sư thị tịch, thọ tám mươi ba tuổi.

25- Truyện ngài Thích Tuệ Thông trụ chùa Phước Hóa ở Ích Châu:

Thích Tuệ Thông, họ Vương. Sau khi xuất gia, Sư đi khắp các trai hội, trường giảng, tay Sư không hề rời quyển kinh. Sư tìm xét chỉ thú trong kinh, tâm sự vui mừng hơn hở. Sư chuyên khổ hình tiết thực, thực hành hạnh tri túc. Sư tự bảo: “Trong Kinh Pháp Hoa nói: “Bồ-tát thường Bất Kinh chẳng chuyên tụng đọc kinh điển, chỉ thực hành lễ bái bốn chúng “còn được thanh tịnh sáu căn, ta đây vì sao chẳng kính lễ Chư Phật, Thế tôn?” Liền ở nơi Viện riêng đóng cửa, thường đánh lễ danh hiệu mười lăm ngàn Đức Phật, y theo kinh mà tự xưng, mỗi danh hiệu mỗi lễ bái. Chư tăng trong chùa lấy làm lạ về việc làm của Sư, bèn đến chỗ vách tường có lỗ hồng trộm xem xét, thấy lúc Sư lễ bái đầu cúi xuống thì tám bộ trời rông, v.v... cũng đều cúi đầu. Qua nhiều lần như thế chẳng phải một, mọi người đến chỗ phòng viện ấy không ai trong tâm chẳng kính sợ nên bỏ chạy ra ngoài, thường nghe có mùi thơm lạ thoang thoảng, đến lúc Sư thị tịch. Vào niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, thì phòng viện ấy không hề có người nào đến. Hằng đêm thường nghe thấy các tướng búng ngón tay lễ bái hành Đạo.

26- Truyện ngài Thích Pháp Thông trụ chùa Pháp Hải ở Kinh đô:

Thích Pháp Thông, họ Quan, người ở đất Ngạc thuộc Kinh Triệu. Sư xuất gia từ thuở nhỏ, thân hình rất yếu đuối, gió thổi có thể té ngã dường như lười dẹt. Do đó mà các bạn đồng học rất xem thường, Sư liền rơi nước mắt. Một buổi sáng, Sư đối trước tôn tượng Bồ-tát Quán

Thế Âm, khẳng khái bạch rằng: “Pháp Thông con nghe” Bồ-tát là bậc Thánh soi xét các điều ước nguyện đều làm cho toại ý, xin rủ lòng từ dẫn dắt cho con khỏi bị sự khinh thường ấy!”. Nhân đó Sư trì tụng Kinh Quán Thế Âm, ngày đêm không nghỉ. Hơn năm sau, Sư trở về quê cũ hầu thăm mẹ. Sau bữa ăn sáng xong, Sư nằm ngủ dưới bóng cây trước sân, chỉ giây lát từ trong miệng nước dãi tuôn ra nhiều chừng ba thặng, mẹ Sư cho Sư là có sự trái nghịch, vội gọi Sư thức dậy hỏi vì sao như vậy, Sư đáp: “Vừa rồi, thấy có người đem đến cho ba con lừa, chỉ mới ăn được một con, vì mẹ gọi thức dậy nên hai con còn lại biến mất”. Từ đó Sư cảm thấy trong thân sức lực mạnh mẽ, da thịt rắn chắc, Sư gỡ cây gỗ lớn, hoạc tảng đá lớn chẳng lấy làm nặng nhọc.

Trong chùa có Sa-môn Tăng Kham là người rất có sức lực, Sư trộm lấy chiếc áo ca-sa đem để dưới cây cột. Ban đầu không thấy nên ngài tăng Kham cho là thần quỷ làm như thế. Sư bèn cười mà nâng xà nhà lên để kéo lấy áo ca-sa, Ngài Tăng Kham vô cùng kinh phục. Có một cái cối đá lớn nặng hơn năm trăm cân, Sư vác từ Nam Sơn về cúng dường cho chúng tăng sử dụng, nay hiện đang còn chứa nước thí cho các loài chim muông. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy rất kính trọng Sư. Có người ở Tây thiên cống được gọi là “Đại Tráng” ở cửa phía Bắc muốn thử đấu sức mà không có ai. Vua rất xấu hổ mà nói rằng: “Nước Đại Tùy không có người tráng kiện!”. Bèn mời Sư đến thử cùng đấu sức. Sư bảo: “Đâu có nơi nào mà người xuất gia làm việc này, nếu muốn biết sức lực thì nắm tay sẽ biết ngay”. Sư bèn gọi người kia đến và mặc tình để cho nắm bóp. Người ấy dùng hết sức lực để nắm bóp mà Sư không cảm thấy gì. Sau đó, đến lượt ngài nắm bóp, Sư nắm cả hai tay, bỗng nhiên co quắp, cùng một lúc máu chảy ra ngoài, người ấy liền nằm khoanh dưới đất cầu xin tha mạng. Sư thả người đó, và bảo rằng: “Ta không dám giết hại, sợ tay người dập nát”. Từ đó rất kính phục, khắp cả triều đình đều khen ngợi vui mừng. Các vị lực sĩ ở kinh ấp nghe thế bèn cùng nhau tìm đến. Sư nắm một nắm đậu thóc bóp chặt liền nát vụn, nên những kẻ ấy đều bỏ xe ngựa mà chạy. Bấy giờ, các hàng tráng sĩ đều gọi Sư là “Thiên Lực Sĩ”.

Đến cuối thời Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy, vì lánh loạn lạc nên ngài đến ẩn cư tại Nam Sơn, mang theo một cối xay và con trâu ghé. Thật là Đại Thần Thông! Sau đó không lâu, mẹ Sư qua đời, nên Sư xuống núi trở về chịu tang, mọi việc xong xuôi, Sư trở lại núi. Tuy sức lực Sư địch nổi trăm người mà Sư không hề trái ngược với mọi vật, tinh tấn chí thành tiết ước, đồng bạn đương thời đều suy

tôn, kính trọng Sư.

Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Sư thị tịch, thọ năm mươi sáu tuổi.

27- Truyện ngài Thích Tuệ Nhân trụ chùa Khai Thánh ở Kinh Châu:

Thích Tuệ Nhân, họ Trương, người ở xứ Võ Thành thuộc Thanh Hà. Xưa, Sư nương tựa Pháp sư Hiền. Sau, vì Sư có chí khí thanh nhã, cao vời nên rất được tăng chúng suy phục, muốn đề cử Sư trông coi đảm nhận việc chùa. Sư bèn rảo bước đến Thục Xuyên, thưa hỏi cầu học Thiền luật. Bất kể nơi gian nguy hiểm trở, Sư đều tìm đến tham thỉnh. Đến lúc thời vận nhà Tiền Đường mở thoáng, từ đất Thục, Sư trở về. Bấy giờ, mỗi châu đặt riêng một ngôi chùa, chỉ có ba mươi vị tăng. Sư là một trong các vị đó, giữ gìn chí tiết trước sau không quên. Sau, vì chùa Khai Thánh cách Kinh Châu hơn năm mươi dặm, nơi chốn núi chằm rộng thoáng, dứt bật gió khói. Sư bèn ở một mình tại núi đó, dựng am tranh cỏ làm lan-nhã, hơn hai mươi năm. Mọi người khắp bốn phương xa thấy đều đến nương tựa. Xưa kia, ngài Trí Giả có để lại Di ngôn, nay thật phù hợp.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, gặp lúc hạn hán mà suối đá trong chùa không hề khô cạn. Sư bèn tự gánh nước ra ngoài cấp thí. Các loài cầm thú do đó được cứu giúp. Giang Lăng lệnh là Lô hành Dư, nhân nghe tiếng tăm Sư bèn đến đó xin nước cho ngựa uống. Sư bèn mang đến cấp cho. Lô Hành Dư cho là thiếu, lại tuôn lời dơ ướ, bèn xua ngựa đến chùa, bỗng chốc gặp một đàn đàn heo chạy đến, mọi người đi đường không dám xâm phạm. Sau đó có hai người trộm bắt lấy làm thịt ăn. Có hổ đến vây quanh gầm gừ, muốn ăn thịt người đó. Bị quần bách không phương trốn thoát, Sư nghe bèn đến cứu giúp, hổ mới ngậm bỏ đi. Sư có những việc do giới đức từ bi tỏa sáng đại loại như thế. Chỉ một Bộ Kinh Pháp Hoa, và giới Bồ Tát Tỳ-ni, qua lại Sư thường tụng, không hề quên nơi tâm miệng.

Đến năm bảy mươi lăm tuổi, Sư thị tịch tại chùa Khai Thánh.

28- Truyện ngài Thích Pháp Thí trụ chùa Hiền An ở Ba Lăng:

Thích Pháp Thí, họ Giang, người ở xứ Võ Đàng. Từ thuở thiếu thời, mà Sư đã rộng rãi thẳng thắn. Thần trí khó lường biết được, thân không có nơi ở cố định, đi ở chẳng vướng mắc. Sư đến Ba Lăng, trụ chùa Hiền An, yên lặng dưới cây sa-la, mà mọi người chẳng lường biết

Sư đoái hoài điều gì.

Theo bộ Kinh Nam Ký nói rằng: “Khoảng niên hiệu Vĩnh Khương thứ nhất (300) thời Tây Tấn, dưới giường trong tầng phòng, bỗng mọc lên một cái cây, hễ chặt thì mọc lại, cứ như thế chẳng phải một lần. Cây lớn lên càng nhanh chóng, mọi người đều lấy làm lạ bèn để tự nhiên chẳng cắt nữa, chỉ khoảng mười ngày mà cành nhánh lên đến tận nóc nhà. Bèn dời phòng khỏi chỗ đó. Từ đó về sau, cây phát triển chậm lại, đến cuối mùa Hạ mới trở hoa. Lá thì rụng vào mùa thu chẳng khác những loài cây khác. Trải qua nhiều năm mọi người không nhận biết được. Về sau, có một vị tăng người ngoại quốc thấy cây này liền rơi lệ nói rằng: “Đây là cây Sa-la, Đức Phật đã nằm dưới tàng cây này mà nhập Niết-bàn, tôi nghĩ nhớ về Bốn sự mà rơi lệ. Và hoa nở ra nhỏ trắng không đủ để nhặt xem”. Đến niên hiệu Nguyên Gia thứ mười một (434) thời Tiền Tống, bỗng có ra một bông hoa hình sắc như cây hoa sen. Nay vẫn hiện còn tại đây, cũng là kỳ tích của một phương.”

Đến cuối đời Tùy, tan loạn, giặc đã đẩy khởi chẳng chỉ một phương. Khi ấy, Tiêu Tiến đang làm La Huyện lệnh. Sư vỗ vào lưng và chỉ thành Ba Lăng mà nói rằng: “Đó là thành của Thiên Tử. Về sau, quả nhiên gạo thóc của Vua rất bình tiện”. Sư răn bảo cất giữ cho kín, mọi người chẳng lường biết được lời nói ấy. Về sau, một đấu thóc gạo giá trị đến mười lăm ngàn quan, dân chúng đói kém rất nhiều. Sư dự ghi như thế, mọi sự việc về sau đều rõ ràng như chỉ tay trong lòng bàn tay. Khi Triệu Quân Vương đánh chiếm Ngụy Lương, Tiêu Tiến hỏi Sư: “Việc ngày này như thế nào?” Sư bèn đưa cho hai chiếc đĩa đồng. Tiêu Tiến nói: “Khiến tôi cũng đồng”, bèn dẫn cả chúng qui hưởng hồng hóa, trăm họ đều được nhờ. Sư có được đức hạnh rộng lớn như vậy.

Ngài từng ở tại phía Bắc Giang Lăng tu hạnh Đầu-đà, hổ đến nằm bên cạnh giường, có người đến, Sư bảo Hổ rằng: “Phật tử nhắm mắt”. Hổ liền cúi đầu nhắm mắt. Sư gặp thú dữ cũng như chó nuôi trong nhà. Người ấy ở tại đó tụng một Bộ Kinh Thắng Thiên Vương, lắng niệm xuất quán, tụng được tốt lành, tinh tấn vững bền, vượt hẳn hạng thường. Sau Sư trầm hình ở nơi cao xa.

29- Truyện ngài Thích Tuệ Ngạn ở Thục Xuyên:

Thích Tuệ Ngạn, không rõ Sư là người xứ nào, mặt mày tựa như người Hồ, nói năng giống như người Hán Thục. Sư qua lại nơi xóm chợ, nói nín không chuẩn định, mọi người chẳng lấy làm lạ.

Niên hiệu Võ Đức thứ ba (620) thời Tiền Đường, buộc đóng thuế

đến tận Mân Châu, kỳ hẹn rất bức ngặt. Người đất Thục ban đầu chẳng nghe, cho là mình thuộc ngoại lệ. Người có thuê mua đòi đến vạn tiền, lại càng thêm kinh gấp, cho là đến nước quý bị bỏ, đều vì kế chết, hao tổn của cải vì chẳng có kế thực hành. Sư ở trong chợ mới đông đúc cười mấy cái. Mọi người vừa đi đến đường Lộc Đầu, gặp được sắc ban đình chỉ. Đó là ứng nghiệm lời nói trước của Sư.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ sáu (623) thời Tiền Đường, Sư lại buồn khóc chẳng tự ngăn được, bảo rằng: “Ai thấy được nhân của phiến não, nhĩa xuống nước tìm cái chết”. Mọi người đua nhau nạy xuống nước để cứu. Sư bèn an nhiên ngồi thẳng dưới đáy nước mà thị tịch. Sau khi Sư tịch, năm đó hạn hán, mùa màng không thu hoạch được gì, mọi người bị bệnh dịch mà chết rất nhiều.

30- Truyện ngài Thích Pháp Vận trụ chùa Khai Thánh ở Kinh Châu:

Thích Pháp Vận, họ Đặng, người ở xứ Trường Lâm thuộc Kinh Châu, dung nghi Sư tuấn tú, khôi ngô khác thường. đối với các thứ như Toán, Lịch, ngũ hành, Sư đều thấu suốt. Truyền thuật Sở, Nhị Hối tinh, Sư lấy vận là một. Sau, Sư gặp được Thiền sư Trí Khoáng khuyên xuất tục, Sư bèn dứt bỏ mọi thứ đua vui ở đời, cạo tóc vào Đạo, tu học Thiền yếu. Sư ưa thích nhàn tĩnh, riêng ở phía Tây bắc chùa Khai Thánh, Sư thiết lập một đạo tràng, như thường Quán hành chẳng cách sớm tối. Sư thường trì tụng Chú Thất Phạt, v.v... để cứu giúp, không gì chẳng liên ứng cảm.

Đến cuối đời Tùy, có nạn hổ hung bạo, Sư xoa đầu hổ mà bảo rằng: “Thiên hạn đang lúc loạn lạc, trăm họ lo sợ, người hãy nên ẩn tàng cho xa, chớ làm kẻ khác chán ghét”. Đến lúc Bát Doanh giặc chủ nghe tiếng tám Sư, thỉnh Sư an đặt cung cấp. Kế tiếp có Tiêu Tiển an lập, lại thêm sùng kính, với mọi vật thí có được Sư đều sung vào hai thứ ruộng Bi Kính.

Sư lại đến Châu Nội, lập riêng một Đạo tràng, lấy tên là tinh xá Long Quy. Tiêu Tiển bèn thỉnh hỏi Sư về mọi sự hưng vong. Sư đáp: “Bần đạo đức mỏng chẳng được sống lâu cùng làm bạn lành, thời vận chẳng thể lường biết lời nói ấy vậy, sau đó không lâu, Triệu Quận Vương Cung lại kêu gọi binh lính đến, lại thêm đánh yết binh lính. Sư lại theo hướng Đông mà đi xuống. Đồ tượng luôn mang theo bên mình. Lại để một bức khiến Sư từ hòa chăm chú. Đáng chỗ gọi là sự cảm động của đạo đức. Sư thường có những vị tín tâm sĩ tục sớm tối cúng thí, yêu

tà quỷ quái trông thấy Sư liền hồi tâm, Xã Miếu Thần kỳ đều tham dự lãnh thọ quy giới.

Vào niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường. Sư thị tịch, thọ sáu mươi tuổi, an táng bên cạnh tháp Thiên sư Trí Khoáng tại chùa Khai Thánh.

31- Truyện Sa-môn Đế Thị Giai người xứ Bắc Định thuộc U Châu:

Vào niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, cách thành Liêu Tây có giống dân Mạt-hạt, trong đó có một người tên là Đế Thị Giai. Năm mười tám tuổi Sư trốn vào xứ Cao-ly, nhặt được một pho tượng bằng đồng cao khoảng hai tấc, không biết đó là thần minh gì, Sư cất vào trong đẫy. Mỗi lúc có sự ăn uống rượu thịt, Sư bèn đem ra cúng tế. Bị người xứ Cao-ly bắt được, Sư kể lại đầy đủ “ Tôi là người dân Mạt-hạt ở biên giới phía Bắc”. Người xứ Cao-ly không tin, cho Sư là kẻ trình thám trong quân, bèn chặt ba nhát dao, nhưng không thương tổn gì đến da thịt Sư, nên nghi Sư là vị thần, hỏi Sư có Đạo thuật gì chẳng? Sư đáp: “Không có. Tôi chỉ cúng dường thần minh mà thôi.” Sư bèn đem pho tượng ấy ra cho mọi người xem và nói: “Trong nước tôi gọi đây là Phật”. Nhân đó, Sư nói rõ đầu đuôi ngọn ngành, xem sau lưng pho tượng phía trên có ba vết sẹo dao. Người xứ Cao-ly bèn thả, bảo Sư đến Đường quốc (Trung Hoa) vì ở đó có nhiều Phật sự lớn, đáng để thưa hỏi. Sư được tin tức ấy nhớ mãi trong lòng, lại rất nhàm chán màn hình thế tục. Nay xuất gia ở tại U Châu, rất thông minh có nghị chí, Sư đi khắp các trường giảng để tham thính, hễ nghe điều liên thấu hiểu, nếu có chỗ nghi ngờ liền ghi ra. Những điều Sư hỏi đều là sâu ẩn, tư duy cao xa thật khó

32- Truyện ngài Thích Trí Hiển trụ chùa Hộ Minh ở Ky Châu:

Thích Trí Hiển, trụ chùa Hộ Minh ở Liêu châu. Sư xuất gia từ thuở nhỏ, giới hạnh tiết tháo trình thuần cao vội. Sư lập tiết tháo sáng ngời, cõi lòng mạnh mẽ. Nghe sông nghe núi không gì chẳng cao thượng. Sư chuyên việc ngồi thiền. Mọi người chẳng lường biết chỗ Sư đến.

Cuối đời Tùy, giặc giã loạn khởi, khắp nơi giao đánh liên tục không thôi. Chuyển động suốt cả tháng trời, Sư đến chỗ hai quân trận dùng đạo lý mà hòa thông, qua lại nhiều lần, đều tùy theo hòa tan. Cả Quận đều vui mừng đó và kính trọng. Sau, Sư cùng các hàng đạo tục tất cả mười người đi thẳng đến Đột-quyết và bị đuổi bắt, Sư liền ẩn thân

không trông thấy. Sau, có người hỏi, Sư bảo: “Tôi xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm nên không gặp giặc”. Có người bạn đồng học chuyên giữ sự tĩnh lặng ở tại Kỳ Sơn, bị kẻ sẵn cướp đoạt hết lương thực, từ xa Sư nhận biết việc ấy bèn sai người đưa gạo đến cho. Sư có những sự thông u mở lối, mà mọi người chẳng thể cứu giúp. Nên biết năng lực Đại Bi cứu giúp tùy cách mà làm việc lợi sinh. Tuy hạnh vị khác thường nhưng tâm Sư chẳng khác. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

33-Thích Pháp Thông ở chùa Thường Lạc tại Tô Châu:

Thích Pháp Thông, ngài giòng họ Trần, ở chùa Thường Lạc tại Tô Châu. Mới đầu ngài mang pho sách vân du khắp các pháp tứ tham thính. Tùy chỗ nghe, tuy hiểu nhưng chưa thấu đạt Bốn ý. Ý tại nơi dứt lời, nhưng lời là Lý thuyên, sự cần phải rộng xem, chẳng dám trước lấy làm gốc, không được rộng kéo dài. Thí như Tro trừ bụi sớ, tro cũng phải sạch.

Sau đó, ngài sang chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn tại Kim Lăng quán nhìn suối đá, Tăng chúng thanh tịnh trang nghiêm, chỉ 1 lần thấy mà liền phát tâm xuống tóc. Bấy giờ, gặp được bạn lành, ngài y theo lời Độ thoát. Bèn trì tụng Kinh Đại Phẩm, không bao lâu được thông. Ngài lại sang cõi kê, nghe Pháp Sư Tuệ Mẫn ở chùa Nhất âm giảng đạo. thành đạt tự nơi Tâm, rộng thoáng không bức luy.

Đến năm Trinh quán thứ 15 (641) thời tiền Đường, ngài trở về lại Hàng Châu, Tô Châu v.v... khai giảng dẫn dắt nhóm tập chúng, đến thọ học Đạo có hơn 300 người. Từ đó, các Kinh Hoa Nghiêm, Niết Bàn ngài giảng liên tục hơn 20 biến. Đến năm Trinh Quán thứ 19 (645) thời tiền Đường, Cao Vương thân ở huyện Gia Hưng ban giảng lời cầu nguyện rằng: “Hãy nên vì Ta mà thỉnh Pháp Sư Pháp Thông truyền cho Thọ giới Bồ-tát”. Ngài y theo lời cầu thỉnh mà vì truyền trao. Thân lại ban lời cầu nguyện rằng: “Từ nay về sau, với các thứ rượu thịt ngũ tân thấy đều đoạn dứt. Như có người muốn cầu Phước thì nên thỉnh chúng Tăng đến tại miếu thiết trai hành Đạo”. lại đến năm Trinh Quán thứ 21 (647) thời tiền Đường, Bà Dương quận phủ thân ở huyện Hải Diêm, nhân thường có tế hội, mới ban giảng lời cầu nguyện rằng: “Hãy vì Ta mà thỉnh mời pháp sư Pháp Thông giảng Kinh Niết Bàn”. Các hàng Đạo tục kính nghinh phan hoa tương tiếp, ngài bèn sang đó để giảng. Đến lúc còn lại khoảng vài trang kinh, thân lại ban giảng lời cầu nguyện rằng: “Nhớ Pháp sư giảng thuyết, được bẩm thọ giáo pháp. Ở trong Thần Đạo, nghiệp chướng có lắm sự khổ não, từ khi được nghe pháp

trở lại, các loài trùng nhỏ gặm ăn đau khổ nơi vi vẩy trong thân đã được nhẹ lên. Mong các hàng Đạo tỵ chấy vì Ta mà đánh lễ cầu thỉnh Pháp Sư tiếp giảng cho 1 biển Kinh Đại Phẩm”. Ngài bèn thẳng trái lời ước nguyện ấy.

Đến năm Hiên Khánh thứ nhất (656) thời tiền Đường, ngài thị tịch, trước đó, ngài bảo cùng các đệ tử rằng: “Không bao lâu nữa Tôi sẽ xả bỏ Báo thân, có thể đem thí cho các loài chum muôn”. Mà ngài vẫn thường giảng, không dừng nghỉ. Sau, ở nơi cao tòa, bỗng nhiên phát trần rơi rớt xuống, ngài bèn thị tịch, hưởng thọ 71 tuổi.

34-Thích Tăng Minh ở chùa Chiêu Quả tại Đại Châu:

Thích Tăng Minh, không biết ngài là người xứ nào. Ngài ở chùa Cổ Sa Bà tại Ngũ Đài, tạo dựng phòng nhà hơn 20 gian, giữ gìn tất cả Kinh tạng. Ngài chuyên Thiền Quán lễ tụng lấy làm nghiệp chính. Ngài tự bảo rằng: “Lúc 17 tuổi, theo Thầy lên núi Ngũ Đài, theo hướng đông đến đánh lễ núi Hoa Lâm, phỏng hỏi Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi. Đến trong hang đá, dẫn vào sâu, thấy có 1 Cối Đá chày gỗ. Lại thấy có 2 người thân hình rất lớn mà không ảnh bóng, mày dài, vén tóc phủ trên mí mắt. Thần đến đánh lễ và thỉnh cứu. Người ấy bảo: “Ông ăn thứ gạo thóc nhỏ hôi thối từ đâu xa lại?” Thầy đáp: “Chúng con là Tăng ở chùa Chiêu Quả, u tập thiền pháp vui thích sống Đạo, ẩn cư tại Sa Bà đã vài mươi năm, nhưng ăn dùng ngũ cốc, xin nguyện chân nhân cứu giúp khổ báo!”. Người ấy bảo: “Hãy chờ đợi cùng chúng bàn nghị đã”. Bỗng chốc có người lại, thân hình cao lớn, mặc áo vỏ cây, bảo rằng: “Ông đến đã lâu, có theo Ta đến chùa”. Đi đến bên cạnh 1 tảng đá lớn, bỗng thấy hang núi khác thường, hiên viện vây quanh, tướng trạng như ở Thiên cung. có 14-15 người đồng ngồi nói cười, hỏi từ đâu lại. nói bàn giấy lâu, rồi đưa tiễn ra. Sau đó lại tìm bèn mất dấu đường. Bèn trở về lại theo hạnh nghiệp Thiền định xưa cũ”. Đến năm Trinh Quán thứ 16 (642) thời tiền Đường, ngài thị tịch, hưởng thọ 81 tuổi. Nay tại chùa Sa Bà có 2 ngôi Tháp gạch hiện còn.

35-Thích Minh Ẩn ở núi Ngũ Đài tại Đại Châu:

Thích Minh Ẩn, thừa thiếu thời ngài chuyên hành tập Thiền Học. Thứ đệ Quán, Thập nhập. Ngài ở tại chùa hang Mộc Qua phía bắc Trung Đài suốt 30 năm, chỉ chuyên Định nghiệp, ngoài ra không nhớ nghĩ gì. Ngài lại sang ở chùa núi Phật Quang 7 năm, lại sang ở chùa Đại phu 9 năm. Các hàng có Chí Đạo cùng tìm đến nương theo chẳng dứt.

Các hàng Đạo tục cúng dường mọi sự chất đầy cả núi rừng. Đến năm Vĩnh Huy thứ 2 (651) thời tiền Đường, Đại Châu Đô Đốc vì Tăng Đồ ở chùa Chiêu Quả mọi sự cần phải có người làm giếng mới, nên truy tìm thỉnh mời ngài về đảm nhận việc chùa. Ngài cố khước từ nhưng không khỏi được. đến tháng 10 năm Long Sóc thứ nhất (661) thời tiền Đường, ngài thị tịch tại chùa Chiêu Quả, trong dáng vẻ đoan tọa điềm nhiên như đang nhập Định.

Tại núi Ngũ Đài có chùa Đẳng Xương xưa cũ, ở đó suối ngọt núi đẹp, hễ đi sang đó bèn quên trở về. Có vị Tăng uống nước suối mà được Tiên, thân như xác lưới, thấy suốt cả tạng phủ cốt tủy. Cuối niên hiệu Võ Đức (627) thời tiền Đường đi đến nơi núi đầm, nay tại trong thôn còn có hơn 10 người già lão nói đó là “Núi Ngũ Đài là nơi dừng nghỉ của các vị Thánh Thần”. Tại Trung đài rất cao, đứng ngay đó, trông nhìn các núi đều thấp cả. Trên đó có dòng suối lớn tên là “Thái Hoa”. Bên cạnh có 2 ngôi Tháp, phía sau các Tháp đá nhỏ có cả trăm ngàn ngôi v.v... là do Hiếu Văn (?) từ phía Bắc thường an nên đến đó dựng lập. Trên đá có dấu chân người ngựa chó nghiễm dậm, là đến chùa Đại Phu, Linh Thứu, ở phía nam có vườn Hoa. Trước sau gặp Thánh phần nhiều ở tại xứ đó. Có 2 Đạo tràng ở 2 phía Đông Tây. Ở giữa có 1 hạng, theo hướng Tây Bắc đi lên 8 dặm, có tháp của Vương Tử thiêu thân. Chùa đó vốn do người con thứ 3 của Vua (?) thời nhà Tề dựng lập. Vương Tử có tánh ưa thích Phật Pháp, nghĩ muốn được trông thấy Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi, nên lại núi tìm, y như sở nguyện thiêu thân để cúng dường. Nhân đó mà có xây dựng Tháp. Chỗ cùng Nội thị Lưu Khiêm Chi ở trong chùa đó 7 ngày hành Đạo, cầu thỉnh Bồ-tát Văn Thù. Đạp gặp được Thánh Giả, che phủ Trượng Phu, hiểu ngộ nghĩa Kinh Hoa Nghiêm, mới tạo “Hoa Nghiêm Kinh luận” 600 quyển. Nay ở các chùa tại núi Ngũ Đài gom góp lại còn có 300 quyển.

Gần đây, trong niên hiệu Long Sóc (661-664) chúa thượng (tức Vua Cao Tông-Lý Trị) bảo Sa-môn Hội Trách ở chùa Hội Xương 2 lần đem vật công đức sang đó tu bổ Tôn nghi bảo tháp. Cùng các Quan ở Huyện Ngũ Đài đồng sang, đều trông thấy Thánh tích, có mùi hương thơm khác lạ, tiếng chuông ngân vang tương tục chẳng dứt.

36-Thích Pháp Không ở núi Ngũ Đài tại Đại Châu:

Thích Pháp Không, không biết ngài là người xứ nào. Cuối thời nhà Tùy, ngài đảm nhiệm chức Nhạn Môn Quận Phủ Ứng Kích Lang Tướng. Khi ấy ngài 40 tuổi. Bỗng nhiên ngài tự sinh nhàm chán muốn

xa lia, trông nhìn vợ con nhà cửa như là tù ngục gông cùm. Chí ý ngài mền mộ Phật Pháp, nghĩ nhớ không thôi, ngài mới vờ gọi tất cả gia thuộc đến bảo: “Tôi cùng các người đắm chìm lâu ngày sớm tối mãi khư khư chỉ là cung cấp. Nên nay mỗi tự tính lấy phương kế, tôi tự quyết định lấy đời Tôi!”.

Ngài bèn bó mạng lương thực, quần theo chẵn xiêm, 1 mình đến núi Ngũ Đài. Đói thì ăn vỏ cây Tùng đọt lá cây bách, lạnh thì vào hang dùng cỏ thiêm phủ che thân hình, chuyên nghĩ tưởng các kệ tụng cốt yếu trong Kinh, cũng không có chỗ để tham hỏi! Bấy giờ giặc cướp dấy khởi khắp nơi, đuổi đánh, chợt bắt ngài đem về Phủ Ty Quận quan sở tại giam giữ, sắp đến nơi chỗ cấm, ngài vẫn giữ Chánh niệm, không nói năng gì. Chí khí lại càng thêm hăng hái, ngồi kiết già không lay động, không ăn không ngủ đã trải qua 5 ngày. Từ thi lĩnh trở xuống thấy đều kinh ngạc. Nhân đó, phóng thả mặc tình ngài đi đâu thì đi. Ngài ngồi ở 1 nơi hơn 30 năm, chim thú lấy làm thân gần. Vợ con tìm kiếm gặp gỡ được, muốn mang lương thực đến, ngài bảo: “Tôi nhàm chán thế tục mới sống Đạo, lấy sự giải thoát làm đầu. Từ nay trở đi chỉ xin nguyện làm Thiện tri Thức. Nếu chẳng phải các người ràng buộc, tôi sao giải mở đó? Lại chẳng cần cùng trông thấy”. Từ đó, bèn dứt tuyệt. Ngài ở nơi chỗ sâu xa lâu ngày, thường có tiếng trong trẻo gọi rằng: “Không Thiên!” cứ như thế chẳng chỉ 1 lần. Ngài biết là do cảnh giới nơi tự Tâm, mới dùng pháp dứt trừ đi. Sau đó bèn được an tịnh. Mới đầu, ngài tập học pháp “Cửu thứ Đệ Định”, đem Thiên dụng mới tỏ sáng, sau cùng vì đối trị chướng ngại, ngài bèn học Pháp “Đại thừa ly tướng”. Như có người theo học, ngài cũng lấy đó để dạy răn.

Không biết về sau ngài như thế nào.

37-Thích Minh Tuấn ở chùa Định Thủy, tại Kinh Đô:

Thích Minh Tuấn, ngài giòng họ Tôn, người ở đất tề, khéo giỏi Chương thảo, ngài thường lấy Kinh Kim Cang Bát Nhã làm hạnh nghiệp chính.

Ngày 12 tháng 2 năm Vĩnh Huy thứ nhất (650) thời tiền Đường, tối đó bỗng nhiên ngài chết ngất, trên tim vẫn còn nóng ấm, qua giờ sau sống lại, ngài nói rằng: “Mới đầu có 2 Đồng tử mặc áo xanh dẫn đến chỗ Vua hỏi rằng: “Trọn 1 đời làm hạnh nghiệp gì?” Ngài đáp: “Chỉ tụng Kinh Kim Cang Bát Nhã”. Vua nói: “Không thể nói Sư có thể trở lại tụng đủ 20 vạn biến, năm sau hẵn sinh về Tịnh Độ. đệ tử không thấy sư nữa vậy!”. và trở lại sai 2 Đồng tử mặc áo xanh đưa ngài trở về lại

chùa”. Từ đó, ngài tinh cần khổ tiết gấp bội trăm vạn lần. Qua tháng 3 năm Vĩnh Huy thứ 2 (651) thời tiền Đường, ngài thị tịch. Chúng Tăng trong chùa đều nghe có mùi hương thơm khác lạ.

38-Thích Minh Giải ở chùa Phổ Quang tại Kinh Đô:

Thích Minh Giải, ngài giòng họ Diêu, ở chùa Phổ Quang tại Kinh Đô. Ngài có Thần Minh rộng rãi, hiểu biết tài học, đàn thơ họa viết nổi tiếng tại Kinh ấp. Nhưng ngài điệu tình thoáng hoảng, rất vì hiểu biết mà tự ngạo, đối với mọi người lớn nhỏ, ngài không tâm kính trọng, đến như mọi sự ăn uống cũng không khác thường tục.

Gặp trong khoảng niên hiệu Long Sóc (661-664) thời tiền Đường, Vua Cao Tông (Lý Trị) có nêu mời ở trong Tam giáo những ai có khả năng Quán Quốc, sách để Tân Vương. Nhân lúc đó, ngài đến Đông Đô, sách đệ kịp đó, hàng thứ tướng sĩ, mới cởi áo ca sa, nói rằng: “Nay Tôi cởi bỏ da lừa này, dự tại nơi các người vậy!” Bèn thiết đặt rượu, nhóm tập các hàng sĩ tục, ngâm phú lời thơ rằng: “Nhất thừa vốn chẳng có, Tam Không về chỗ nào v.v...” sau đó không bao lâu, ngài mắc bệnh mà tịch.

Có vị Tăng bạn ngài mộng thấy, ngài bảo rằng: “Minh Giải Tôi vì không tin, nên nay sinh trong ác đạo, rất khốn khổ đói khát, cơ sao chẳng vì tình xưa cũ mà thiết đặt cho 1 bữa ăn ư?” Đến lúc tỉnh giấc, vị Tăng ấy bèn bày các thứ ăn nơi đồng trống mà cúng tế đó. Lại mộng thấy ngài tỏ vẻ rất hổ thẹn v.v... Ngài lại giảng mộng gá cùng người thợ họa mà từ trước đồng cùng làm việc, ngài nói rằng: “Ta vì chẳng kính tin, nên sinh nơi rất xấu ác, nghĩ muốn được công đức không do đâu có thể tạo tác. Ông xưa trước cùng với ta là chỗ quen biết, sao chẳng thể biết giúp cho 1 vài quyển Kinh ư?” Ngài lại để lại cho người thợ họa 1 bài thơ rằng:

*“Nắm tay chẳng thể lia
Vỗ ngực liền tự đau
Khổ thay thời gian ngắn
Buồn thay đường sống dài
Gió Đông thổi chiều sợ
Mã hoang sương lạnh rơi
Lưu tình có gì Tăng
Chỉ Nội điển chương này!”*

Người thợ họa ấy không biết viết, bảo tụng 18 biến đã tiện đi. Sau khi tỉnh giấc, người thợ họa đến nói cùng các hàng Tăng tục về việc đó.

Than ôi! Sa-môn Minh giải đáng tiếc 1 đời vọng còn ư? Ta tự lấp vùi ngàn năm. Đó có nghĩa là nhọc sống nhọc chết. Bạc Đại Thánh đâu nói lời hư dối ư?

Lại nữa trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời tiền Đường, tại Lạc Châu có Tổng Thượng Lễ là người học rộng rất có Thần minh, khéo giỏi làm thơ phú quý quyết. Đến lúc bãi quan huyện trở về, nghèo khổ không có ăn. Lại khéo giỏi xin vay mượn gánh chịu đó, chỉ mong cúng thí lương thực cho chư Tăng thì trọn có được phước lành.” Các quan thái thú, Tế Tướng v.v... mừng cái nghĩa cửa cao đẹp của ngài, bèn chu cấp cúng thí khắp cùng. Ngài mới phân định chư Tăng ở 2 nơi, mỗi nơi đặt để cho 1 bịch gạo, có khoảng 10斛. Trong đó, 1 chỗ, Đồ chúng có hơn 40 người thuần học kinh giáo Đại Thừa và tu hành Thiên nghiệp, trải qua cả năm mà gạo ăn vẫn như nguyên vẹn không hao giảm. Và 1 chỗ có khoảng 50-50 vị Tăng, vừa mới qua 2 ngày mà gạo ăn bèn đã hết, do vì chẳng tu Thiên Nghiệp lại chuyên học hành Ngoại giáo/ ngài bảo rằng: “Không có gì đáng lấy làm quái lạ, người hay hành Đạo thì có sự ban huệ của Bạch Hào. Bởi vì Đạo nghiệp, Lý hẳn thường không”. Khi đó, những vị lánh nạn càng thêm đông nhiều, lại gặp tề hại mưa dầm, không nơi dừng nghỉ. Tại núi có 1 hang lớn là nơi sinh sống của Thú dữ, ngài sang đến hang huyết ấy, bảo rằng: “Ngày nay, những khách khốn cùng cùng nhau tìm đến, có thể được dung chứa chăng?” Hồ mới cùng dẫn nhau đi chỗ khác. Chư Tăng bèn được có nơi nương tựa. Nhưng nghe các Kinh Hoa Nghiêm v..v. đến những nơi khó hiểu, ngài lại đến An Châu. Tại đó, có Đạo Sĩ Thái Tử Hoảng là người nhàn rỗi tập học nội ngoại giáo điển, thực xem thường chư Tăng. Các hàng Đạo tục nhóm tập đông nhiều tại chùa Tăng, mới mới Thái Tử Hoảng khai giảng Kinh Phật. Ngài bảo: “Ông hình tướng đồng với Ngoại Đạo, Tà thuật ràng buộc nổi lòng. Giả sử có giảng Kinh Phật trọn kết quy vì danh lợi. Tôi đây không tên tuổi trong các hàng Đạo Tục, cốt yếu chỉ là Thích Tử. thân đã đến đây, chẳng không thể đi. Ông sớm có thể nhận biết căn cơ trước, không thì sẽ hối hận ở sau”. Thái Tử Hoảng nghe thế, nín lặng thùi thụt giây lâu rồi rút lui. Khi đó Đại chúng đều tán thán rằng: “Bồ-tát Hộ Pháp, thật là người này đây vậy!”.

Ngài cho rằng áo điển Kinh Lăng Già bị trầm lắng đã lâu ngày, do đó ngài cố truy tìm, không sợ gian nguy hiểm trở, gặp được hàng hậu duệ của Thiên Sư Huệ Khả đang hưng thịnh tập hành Kinh ấy, ngài liền đến nương tựa nghe học, và thường khơi kíc Đại tiết. Vị ấy bèn xả bỏ Đồ chúng, mặc tình ngài chuyển đổi giáo hóa, ngài liền liên tục giảng

hơn 30 biến. Lại gặp được Thiền Sư Huệ Khả thân gần truyền trao cho Ngài. Ngài y cứ theo nhất thừa Tông của Nam Thiên Trúc mà giảng đó, lại được 100 biến nữa. Kinh ấy vốn do Tam Tạng Pháp Sư Cầu-Na-Bạt-Đà-La phiên dịch ở thời nhà Tống, và do Pháp sư Tuệ Quán bút thọ, nên Văn từ nghĩa lý đều hài hòa, hành chất cùng suốt, chuyên chỉ Niệm huệ chẳng chú trọng nói bàn. Về sau Thiền Sư Bồ Đề Đạt Ma đem hồng truyền ở Nam Bắc, lấy “mất lời, mất nghĩ nhớ, vô đắc chánh Quán” làm Tông, tiếp sau đó lại hành hóa tại Trung Nguyên. Thiền sư Huệ khả là người mở đầu thành đạt được then chốt. Tại Đất Ngụy về phần Văn học đại đa số chẳng đếm xỉa đó. Những người lãnh tông đặc ý ở thời bấy giờ hay khải ngộ. Nay vì con người thời đại dần cách xa nên khiến sai lầm ở hàng Hậu học, tại Biệt truyện của ngài Huệ Khả lược có thể rõ ràng đó, nay theo tuần tự từ Thầy thừa truyền để làm tiếp nối, chỗ học rõ ràng có được chứng cứ như sau:

Sau Thiền Sư Bồ-Đề-Đạt-Ma thì có 2 người là Thiền Sư Huệ Khả và Huệ Dục. Thiền Sư Huệ Dục thì thọ học Đạo tâm hành, miệng chưa từng nói. Còn sau Thiền Sư Huệ Khả thì có Thiền Sư Sán, Thiền Sư Huệ, Thiền Sư Thạnh. Lão Sư Na, Thiền Sư Đoan, Thiền Sư Trưởng Tạng, Pháp Sư Chân, Pháp Sư Ngọc (Những vị trên đây đều dùng miệng giảng truyền Huyền lý, chẳng lưu xuất Văn ký) nên sau Thiền sư Huệ Khả thì có Lão sư Thiện (xuất sao 4 quyển), Thiền Sư Phong (xuất số 5 quyển), Thiền Sư Minh (xuất số 5 quyển), Thiền Sư Hồ Minh (xuất số 5 quyển). Còn tiếp nối cách xa sau thiền sư Huệ Khả thì có Thiền Sư Đại Thông (xuất số 5 quyển), thiền sư Đạo Âm (xuất sao 4 quyển), Pháp sư Xung (xuất số 5 quyển), Pháp Sư Ngạn (xuất số 5 quyển), Pháp Sư Sùng (xuất số 8 quyển) Pháp Sư Đại Minh (xuất số 10 quyển). Ngoài ra còn có những vị không tiếp thừa từ Thiền sư Huệ Khả mà chỉ tự y theo Nhiếp Luận thì có Thiền sư Thiên (xuất số 4 quyển). Luật sư Thượng Đức (xuất nhập) (Lăng Già số 10 quyển). Sau Lão sư Na thì có Thiền sư Thật, Thiền sư Huệ, Pháp Sư Khoáng, Thiền sư Hồng Trí (Tên ở chùa Tây Minh tại Kinh Đô, nhưng sau khi tịch thì pháp tuyệt). Sau Thiền sư Minh thì có pháp sư Già, Pháp Sư Bảo Du, pháp sư Bảo Nghinh, pháp sư Đạo Oánh (đều lần lượt truyền đăng, mãi đến ngày nay vẫn còn xiển dương hồng hóa).

Còn ngài (Pháp Xung) tự theo Kinh thuật, chuyên lấy Lăng Già làm mạng gia, trước sau phu tuyên xiển hóa gần 200 biến. Nếu cần liền vì giảng, chưa từng giãm trải qua văn, mà thông biến vừa duyên, nương Thế đạo luyện dẫn dụ, đặc ý như nhất, tùy nói liền khác. Những người cầu học khổ nhọc thỉnh cầu ngài lưu xuất nghĩa giải. ngài bảo:

“Nghĩa tức là Đạo Lý vậy. lời nói đã thô, hướng hồ buông tuồng trên giấy, lại là Thô của trong thô vậy”. song, sự chẳng thể dừng, nên ngài bèn phải soạn thuật sở 5 quyển, nêu đề là “Tư Ký” (ghi nhận của riêng) nay đang hưng thịnh hoằng truyền đó.

Mới đầu, ngài du hành khắp Đông Xuyên, chẳng nhận Quan quán, từ có lần độ, nhưng ngài cao nhường chẳng nhận. Đến lúc gần 50 tuổi, có được sắc ban Độ người. Duyên Châu Độ ước khiến vào Độ, lệ thuộc ở chùa Pháp Tập trong Châu Độ, tuy Danh dự nơi Công Quán mà ngài thường nường nấu nơi suối đá. Vỡ về tiếp nối thiếu thừa, lấy đó làm tâm. Phòng Công với ngôi vị ở Đài Phụ, gửi thư thỉnh mời ngài vào. Nhận được thư, ngài đề lại sau lưng rằng: “Nơi Tam giới, Ta không chỗ cần. Đến Tam Hoè chỗ ông đã hết”. Phòng Công lại tiếp thỉnh mời. Ngài không còn giữ thái độ thường hằng, vùn vụt đến nơi Đô ấp, tức hoằng dương Đại Pháp, sáng rực lay động các bậc anh tài, mũ lọng may ùn ngợi khen là điều chưa từng có! Trung thư Đỗ Chánh Luân đích thân đến nơi pháp tịch, bình luận rõ ràng Pháp Nghĩa. có Pháp Sư Nhuận ở chùa Hoằng Phước mới đầu chưa nhận biết về Ngài, mới hỏi rằng: “Lão Đại Đức ở xứ nào?” Ngài đáp: “Lão Tiểu Tăng ở tại Duyên Châu vậy!”. Pháp sư Nhuận lại hỏi: “Từ xa đến có việc gì?” Ngài đáp: “Nghe ở đây thiếu Pháp nhất Thừa, nên muốn phô bả lưỡi Pháp nhất thừa để lọc bắt cá rồng Tín Địa, nên đến đây vậy”. pháp Sư Nhuận tự bảo: “Đây thật là bậc Khai Sĩ Đại Tâm vậy!”

Nhân đi đến chùa Đại Hưng Thiện, gặp lúc Vạn Niên lệnh Trịnh Khâm Thái đến chùa đánh người. Ngài cản ngăn đó và bảo rằng: “Ông chớ được đánh người ở nơi chùa chiền”. Trịnh Khâm Thái nói: “Tôi đánh người, Tôi đây tự nhận lấy”. Ngài bảo: “Đạo chẳng tự nhận lấy, có thể khiến kẻ khác nhận. Nhưng, nước nhà dựng lập chùa chiền, vốn muốn an ninh xã tắc, chỉ có hành Thiện ở đó. Nay Ông lại đánh người nơi chốn chùa chiền. Đâu thể gọi là vì nước nhà mà cầu Phước ư?” Trịnh Khâm Thái liền đánh lễ sám tạ.

Lại nữa, Tam tạng Pháp sư Huyền Trang không chấp thuận giảng truyền các Kinh pháp đã phiên dịch xưa cũ. Ngài bảo: “Ông y cứ theo kinh điển phiên dịch xưa cũ mà xuất gia. Nếu chẳng hứa thuận hoằng truyền Kinh điển ấy. Ông nên hoàng tục rồi y cứ theo Kinh điển mới phiên dịch mà xuất gia. Tôi mới chấp thuận ý ấy của ông vậy!”. ngài Huyền Trang nghe thế bèn chấm dứt. Đó cũng là bậc sĩ sống ở đời hoàng dương Kinh điển hộ pháp, cường ngự cũng không thể kịp vậy! Nhưng cuộc đời ngài vân du hoằng Đạo lấy làm việc chính, không từng

có bốn đậu, nên Bộc Xạ Vu Chí Minh nói: “Pháp Sư đây mới là vị Tăng Pháp giới Đầu Đà vậy, không thể lấy Tên thật mà bó buộc đó!”

Trong khoảng niên hiệu Hiển Khánh (656-661) thời tiền Đường, ngài nói trở về lại Đông Hạ. Đến nay đang trong niên hiệu Lân Đức (664-666) thời tiền Đường, ngài đã 79 tuổi.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
Quyển 26 B hết.